

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 2

DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG ĐỒNG
BÀNG SÔNG CỬU LONG (MD- ICRSL/WB9)

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMDP).**

Tiểu dự án:

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SẢN
XUẤT PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI, NÂNG CAO SINH KẾ,
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÙNG CÙ LAO DUNG**



Tháng 5/2019

Tỷ giá chuyển đổi tiền tệ

Đơn vị tiền tệ = Đồng Việt Nam (VND)

1 VND = 0,0000439 1\$

1 \$ = 22.765 VND

TỪ VIẾT TẮT

AP	Người BAH	Người bị ảnh hưởng
ĐBSCL		Đồng bằng sông Cửu Long
CPO	Ban CPO	Ban Quản lý trung ương các dự án Thủy lợi
DARD	Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DMS		Điều tra kiểm đếm chi tiết
DPC	UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện
DRC	Hội đồng ĐB-TĐC	Hội đồng đền bù tái định cư cấp huyện
EMPF	Khung Chính sách	Khung chính sách về dân tộc thiểu số
EMDP	Kế hoạch phát triển DTTS	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
GOV	Chính phủ	Chính phủ Việt Nam
HH	Hộ	Hộ
EOL		Kiểm đếm tài sản bị ảnh hưởng
LAR		Thu hồi đất và tái định cư
LURC	Giấy CNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
MOF	Bộ TC	Bộ Tài chính
MOLISA	Bộ LĐ-TB-XH	Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội
NGO	Tổ chức phi chính phủ	Tổ chức phi chính phủ
OP 4.10	Chính sách hoạt động về Dân tộc thiểu số của NHTG	
PAD		Tài liệu thẩm định dự án
PPC	UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh
PRA		Đánh giá nhanh có sự tham gia
RAP	Kế hoạch TĐC	Kế hoạch hành động tái định cư
PPMU	Ban QL TDA	Ban quản lý dự án
TDA		Tiểu dự án
TOR		Đề cương tham chiếu
USD	Đô la	Đô la Mỹ
UBND		Ủy ban nhân dân xã
VND	Đồng	Đồng Việt Nam
WB	NHTG	Ngân hàng Thế giới
DTTS		Dân tộc thiểu số

ĐỊNH NGHĨA

<i>Tác động dự án</i>	Là các tác động tích cực và tiêu cực của tất cả các hoạt động của các hợp phần dự án đến người DTTS. Các tác động tiêu cực thường là hậu quả tức thì của việc thu hồi một mảnh đất hoặc hạn chế việc sử dụng các khu vực được chỉ định hợp pháp hoặc khu vực được bảo tồn. Những người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc thu hồi đất có thể mất nhà, đất trồng trọt/ chăn nuôi, tài sản, hoạt động kinh doanh, hoặc các phương tiện sinh kế khác. Nói một cách khác, họ có thể mất quyền sở hữu, quyền cư trú, hoặc các quyền sử dụng do thu hồi đất hay hạn chế tiếp cận.
<i>Người bị ảnh hưởng</i>	Tức là những cá nhân, tổ chức hay cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp về mặt xã hội và kinh tế bởi việc thu hồi đất và các tài sản khác một cách bắt buộc do dự án mà Ngân hàng Thế giới tài trợ gây ra, dẫn đến (i) di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) mất tài sản hoặc sự tiếp cận tài sản; hoặc (iii) mất các nguồn thu nhập hay những phương tiện sinh kế, cho dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển tới nơi khác hay không (những người có sinh kế bị ảnh hưởng tạm thời hoặc vĩnh viễn). Ngoài ra, người bị ảnh hưởng là người bị hạn chế một cách bắt buộc sự tiếp cận các khu vực hợp pháp và các khu vực được bảo vệ gây tác động bất lợi đến sinh kế.
<i>Người bản địa</i>	Tương đương với khái niệm <i>người dân tộc thiểu số</i> tại Việt Nam và cập tới một nhóm người riêng biệt, dễ bị tổn thương, có đặc điểm xã hội và văn hóa riêng, mang trong mình những đặc tính sau đây, ở nhiều cấp độ khác nhau: (i) tự xác định như là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và đặc tính này được công nhận bởi các nhóm văn hóa khác; (ii) sống thành nhóm gắn với những điểm cư trú riêng biệt về mặt địa lý hoặc trên những vùng đất do ông bà, tổ tiên để lại trong khu vực dự án và sống gắn bó với các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực cư trú và lãnh thổ đó; (iii) các thể chế về văn hóa, xã hội, kinh tế, và chính trị theo tập tục riêng biệt so với những thể chế tương tự của xã hội và nền văn hóa thống lĩnh, và (iv) một ngôn ngữ bản địa riêng, thường khác với ngôn ngữ chính thống của quốc gia hoặc vùng.
<i>Các nhóm dễ bị tổn thương</i>	Đó là các nhóm đối tượng đặc biệt có khả năng phải chịu tác động không tương xứng hoặc có nguy cơ bị bản địa hóa hơn nữa do tác động của việc tái định cư, cụ thể bao gồm: (i) phụ nữ làm chủ hộ có khẩu ăn theo (không có chồng, mất chồng, chồng không còn khả năng lao động), (ii) người khuyết tật (không còn khả năng lao động), người già không nơi nương tựa, (iii) hộ nghèo và hộ cận nghèo theo tiêu chí của Bộ LĐTB-XH, (iv) hộ gia đình không có đất đai, và (v) các nhóm dân tộc thiểu số, và (vi) hộ gia đình chính sách.
<i>Phù hợp về mặt văn hóa</i>	Tức là đã có xét tới mọi mặt của văn hóa và tính dễ tổn thương về chức năng của chúng.
<i>Tham vấn tự do, thông báo</i>	với người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng nghĩa là quá trình ra quyết

trước và được thông tin

định phù hợp với văn hóa để có kết quả tham vấn ý nghĩa, tin cậy và người tham gia được thông báo về việc chuẩn bị và thực hiện dự án. Như vậy sẽ không tạo ra sự bất bình từ các cá nhân hoặc nhóm người.

Gắn kết theo tập thể

Tức là nói về sự có mặt ở đó và gắn bó về kinh tế với mảnh đất và vùng lãnh thổ mà họ có và được truyền lại từ nhiều đời, hoặc họ sử dụng hay chiếm hữu theo phong tục, tập quán của nhiều thế hệ của nhóm người DTTS đang đề cập tới, bao gồm cả các khu vực có ý nghĩa đặc biệt, ví dụ như các khu vực tâm linh, linh thiêng. “Gắn kết theo tập thể” còn hàm chỉ tới sự gắn kết của các nhóm người DTTS hay di chuyển/ di cư/ đối với vùng đất mà họ sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ.

Các quyền về đất và nguồn tài nguyên theo phong tục, tập quán

Nói tới các mẫu hình sử dụng đất và tài nguyên lâu dài của cộng đồng theo phong tục, giá trị, tập quán, và truyền thống của người dân tộc thiểu số, bao gồm cả việc sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ, hơn là các quyền hợp pháp chính thức đối với đất và tài nguyên do Nhà nước ban hành.

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU	1
1.1. Mô tả dự án	1
1.2. Mô tả tiểu dự án.....	2
1.3. Mục tiêu của kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP).....	5
2. KHUNG CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	5
2.1. Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người dân tộc thiểu số.....	5
2.2. Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10).....	7
3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TIỂU DỰ ÁN.....	8
3.1. Tác động tích cực:	8
3.2. Tác động tiêu cực.....	9
3.2.1. Tác động trong giai đoạn chuẩn bị dự án.....	9
3.2.2. Tác động trong giai đoạn thi công.....	11
3.2.3. Tác động tiêu cực trong giai đoạn vận hành.....	14
3.2.4. Tác động kéo theo	16
3.2.5. Tác động tiềm tàng của các hoạt động dự án.....	17
3.3. Các biện pháp giảm thiểu.....	17
3.3.1. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn chuẩn bị.....	17
3.3.2. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công.....	17
3.3.3. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn triển khai thực hiện	18
4. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DTTS TRONG VÙNG TIỂU DỰ	
ÁN.....	25
4.1. Đặc điểm về cộng đồng người DTTS trong vùng TDA.....	25
4.1.1. Đặc điểm văn hóa của người Kh'mer.....	25
4.1.2. Mối quan hệ của người DTTS với cộng đồng.....	26
4.2. Kết quả khảo sát hộ DTTS.....	26
4.2.1. Quy mô điều tra	26
4.2.2. Nghề nghiệp.....	27
4.2.3. Giáo dục	28
4.2.4. Sức khỏe	28
4.2.5. Cấp nước	29
4.2.6. Vệ sinh.....	29
4.2.7. Thu nhập và mức sống hộ gia đình.....	30
5. TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DTTS.....	30
5.1. Mục tiêu của tham vấn cộng đồng.....	30
5.2. Phương pháp tham vấn cộng đồng.....	30
5.3. Kết quả tham vấn.....	31
5.4. Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện EMDP	33
5.5. Công bố EMDP	33
6. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN TRONG EMDP	34
7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	36
8. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI.....	37
9. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	39

9.1. <i>Giám sát nội bộ</i>	39
9.2. <i>Giám sát độc lập</i>	40
10. NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH	41
PHỤ LỤC: MỘT SỐ BIÊN BẢN THAM VẤN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CÁC XÃ VÙNG TDA	43

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Văn bản pháp luật liên quan đến Dân tộc thiểu số	6
Bảng 2: Tác động thu hồi đất khi thi công dự án.....	10
Bảng 3: Tác động của dự án đến tài sản của các hộ gia đình.....	10
Bảng 4: Nguồn tác động và quy mô tác động trong giai đoạn thi công.....	12
Bảng 5: Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn xây dựng.....	19
Bảng 6: Dân số các xã trong khu vực tiểu dự án	25
Bảng 7: Quy mô mẫu điều tra.....	26
Bảng 8: Phân bố độ tuổi của các thành viên trong gia đình	27
Bảng 9: Nghề nghiệp của hộ DTTS trong vùng TDA	27
Bảng 10: Trình độ học vấn của người DTTS trong vùng TDA.....	28
Bảng 11: Nguồn nước sử dụng của các hộ được khảo sát	29
Bảng 13: Loại nhà vệ sinh của các hộ được khảo sát	29
Bảng 14: Thu nhập và mức sống của các hộ được khảo sát.....	30
Bảng 15: Tham vấn cộng đồng DTTS	31
Bảng 16: Các hoạt động phát triển DTTS	34
Bảng 17: Kế hoạch thực hiện	37
Bảng 18: Chỉ số giám sát nội bộ.....	39
Bảng 19: Chỉ số giám sát độc lập	40
Bảng 20: Dự toán của EMDP	41
Bảng 21: Dự toán chi tiết một khóa học	41

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Bản đồ vị trí vùng tiểu dự án	4
Hình 2: Sơ họa vị trí công trình.....	5

1. GIỚI THIỆU

1.1. Mô tả dự án

Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới đang thực hiện dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long". Mục tiêu phát triển của dự án là nâng cao năng lực quản lý và thích ứng với biến đổi khí hậu bằng cách cải thiện quy hoạch, thúc đẩy sinh kế nông thôn bền vững, và xây dựng hạ tầng thông minh khí hậu lựa chọn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ở Việt Nam. Dự án sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp đem lại lợi ích cho hơn một triệu người sống trong ba tiểu vùng: (a) vùng thượng nguồn đồng bằng (An Giang, Đồng Tháp và Kiên Giang); (b) bán đảo (Cà Mau, Bạc Liêu và Kiên Giang); và (c) các cửa sông ven biển (Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng). Thêm nữa, các hộ gia đình nông thôn và đô thị và doanh nghiệp nông nghiệp ở khu vực thượng nguồn và hạ du cũng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ sự can thiệp của dự án

Dự án được hình dung là giai đoạn đầu tiên của một kế hoạch lâu dài có sự tham gia Ngân hàng Thế giới tại đồng bằng sông Cửu Long nhằm tăng cường tích hợp chống chịu khí hậu với quản lý và phát triển, giữa các ngành, các cấp tổ chức. Cụ thể hơn, nó sẽ hỗ trợ các hệ thống thông tin, các thể chế, và lộ trình xây dựng năng lực quy hoạch vùng và cấp tỉnh để phát triển bền vững cả vùng đồng bằng. Song song đó, dự án cũng sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư 'không hối tiếc' và mở rộng phạm vi tài trợ cho các lựa chọn phát triển dài hạn trong các giai đoạn tiếp theo. Dự án sẽ bao gồm một sự kết hợp của các khoản đầu tư công trình và phi công trình, và sẽ được thông báo của Ngân hàng Thế giới **Xây dựng năng lực thích ứng ở đồng bằng sông Cửu Long TA (P149017)**. Dự án được đề xuất để mở rộng trong khoảng thời gian 6 năm, với nguồn vốn 403,000,000 USD (333,6 triệu USD từ IDA; 69,4 triệu USD từ Chính phủ Việt Nam)

Khái niệm dự án và cách tiếp cận được xây dựng lên từ tầm nhìn xác định trong Kế hoạch phát triển Đồng bằng sông Cửu Long bởi Hà Lan, trong đó vùng đồng bằng đã được xem như là khu sinh thái ngập nước phân chia giữa các tỉnh, các ngành khác nhau. Trong phạm vi các đề xuất dự án, các nhóm công tác đã đề cao tầm quan trọng vào việc phối hợp với các dự án Ngân hàng khác, và hoạt động của các đối tác phát triển khác.

Năm hợp phần được đề xuất trong dự án là:

Hợp phần 1: Kiến thức quản lý, lập kế hoạch, và tổ chức (Ước tính 50 triệu USD, trong đó 4.000.000 USD sẽ được tài trợ bởi IDA). Hợp phần này tìm cách cung cấp cơ chế tích hợp thông tin và khung thể chế cho việc lập kế hoạch và quản lý ĐBSCL đa ngành có hiệu quả nhằm (i) tăng cường khả năng phục hồi các rủi ro khí hậu và phát triển, nâng cao sức mạnh tổng hợp cho các bên liên quan ở các tỉnh đồng bằng, (ii) cải thiện sử dụng hiệu quả hệ thống giám sát hiện đại và các công cụ CNTT để phân tích quy hoạch và kích bản hoạt động, và thông tin để đưa ra quyết định đầu tư, và (iii) xây dựng năng lực cho các phương pháp tiếp cận đa ngành.

Hợp phần 2: Quản lý Lũ lụt ở thượng nguồn đồng bằng (Est 99 triệu USD, trong đó 81 triệu USD sẽ được tài trợ bởi IDA.). Mục tiêu chính của hợp phần này là để bảo vệ và / hoặc lấy lại những lợi ích từ các biện pháp kiểm soát lũ (trữ lũ) tăng thu nhập ở nông thôn và bảo vệ tài sản có giá trị cao ở các tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Nó sẽ có khả năng bao gồm: i) kiểm soát nguồn

nước và cơ sở hạ tầng nông nghiệp để cho phép lũ lụt có lợi hơn (mở rộng khả năng giữ lũ) ở các khu vực nông thôn và cung cấp giải pháp nông nghiệp / nuôi trồng thủy sản trồng trọt mới thay thế; ii) cung cấp hỗ trợ biện pháp sinh kế cho người nông dân để họ có lựa chọn thay thế cho cây lúa mùa mưa, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản; iii) xây dựng/nâng cấp cơ sở hạ tầng cho việc bảo vệ tài sản giá trị cao; và iv) hỗ trợ hiệu quả sử dụng nước trong nông nghiệp vào mùa khô

Hợp phần 3: Thích ứng với độ mặn thay đổi ở cửa sông đồng bằng (Est 149,000,000 USD, trong đó 122.200.000 USD sẽ được tài trợ bởi IDA). Hợp phần này nhằm giải quyết những thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nuôi trồng thủy sản bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống ở các vùng ven biển của tỉnh Sóc Trăng, Bến Tre, và Trà Vinh. Nó sẽ có khả năng bao gồm: i) xây dựng hệ thống bảo vệ ven biển bao gồm kết hợp của bảo vệ bãi bồi và phục hồi vành đai rừng ngập mặn ven biển; ii) Kiểm soát nguồn nước và cơ sở hạ tầng nông nghiệp dọc theo vùng ven biển để cho phép sự linh hoạt cho hoạt động nuôi trồng thủy sản bền vững và thích ứng với sự thay đổi độ mặn; iii) hỗ trợ cho nông dân để chuyển đổi (nơi thích hợp) để hoạt động sinh kế nước lợ bền vững hơn như rừng ngập mặn nuôi tôm, lúa-tôm, và các hoạt động nuôi trồng thủy sản khác; và iv) hỗ trợ nông nghiệp thông minh khí hậu bằng cách tạo điều kiện hiệu quả sử dụng nước trong mùa khô.

Hợp phần 4: Bảo vệ vùng ven biển ở bán đảo đồng bằng (Est 95 triệu USD, trong đó 77.900.000 USD sẽ được tài trợ bởi IDA.). Hợp phần này nhằm giải quyết những thách thức liên quan đến xói lở bờ biển, quản lý nước ngầm, nuôi trồng thủy sản bền vững, và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống ở các khu vực ven biển và cửa sông tỉnh Cà Mau và Kiên Giang. Nó sẽ có khả năng bao gồm: i) khôi phục đai rừng ngập mặn ven biển và xây dựng/cải tạo đê ven biển trong khu vực xói mòn; ii) sửa đổi của cơ sở hạ tầng kiểm soát nguồn nước dọc theo vùng ven biển để cho phép sự linh hoạt cho hoạt động nuôi trồng thủy sản bền vững; iv) kiểm soát nước ngầm tiềm tàng cho nông nghiệp / nuôi trồng thủy sản và phát triển các nguồn cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt; v) hỗ trợ cho nông dân để thực hiện các hoạt động sinh kế nước lợ bền vững hơn như các hoạt động nuôi trồng thủy sản khác và rừng-tôm; và vi) hỗ trợ nông nghiệp thông minh khí hậu bằng cách tạo điều kiện hiệu quả sử dụng nước.

Hợp phần 5: Quản lý dự án và Hỗ trợ thực hiện. Hợp phần này sẽ được phân chia để hỗ trợ quản lý dự án và xây dựng năng lực cho Bộ TN&MT và Bộ NN&PTNT. Hợp phần này được dự kiến sẽ cung cấp chi phí gia tăng hoạt động và các chuyên gia tư vấn và các dịch vụ tư vấn quản lý dự án tổng thể, quản lý tài chính, đấu thầu, chính sách an toàn và giám sát và đánh giá.

1.2. Mô tả tiểu dự án

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung.

Mục tiêu chung của tiểu dự án:

- Đầu tư tiểu dự án để phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung dựa trên phát huy những lợi thế, tiềm năng của khu vực.

Mục tiêu cụ thể của tiểu dự án:

Các hoạt động, nội dung đầu tư của dự án về hạ tầng kỹ thuật và các giải pháp phi công trình, các mô hình chuyển đổi sản xuất sẽ đáp ứng được các nhiệm vụ chính sau:

Phục vụ từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hiện nay mía, rau màu... tại Cù Lao Dung (đặc biệt là khu vực 5 xã giáp biển) thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (khoảng 5.000ha) theo hướng sản xuất hàng hóa trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu;

Tăng cường bảo vệ bờ biển, phục hồi rừng ngập mặn, bảo vệ hệ sinh thái ven biển đảm bảo an toàn cho dân sinh, kinh tế, xã hội trước nguy cơ nước biển dâng và những tác động xấu của biến đổi khí hậu;

Góp phần xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, kết nối giao thông nội vùng với hệ thống giao thông hiện có để tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch và phục vụ cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn, khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh;

Góp phần cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực, kết hợp phục vụ công tác ngăn lũ phòng chống lụt bão trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Xây dựng các mô hình sinh kế, mô hình chuyển đổi sản xuất để mang lại hiệu quả cao hơn các mô hình sản xuất hiện trạng.

Quy mô tiểu dự án:

Để đáp ứng được các mục tiêu của dự án và phù hợp với điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, thủy văn...) các thành phần của dự án gồm có:

Hạng mục phi công trình

Để chuyển đổi sản xuất từ hiện nay (mía, màu) sang nuôi trồng thủy sản cho Cù Lao Dung (dự kiến diện tích khoảng 3.500ha so với hiện nay) dự kiến sẽ xây dựng các mô hình sản xuất thí điểm và trên cơ sở đó kết hợp với các nội dung khác như đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, tổ chức lại sản xuất để nhân rộng các mô hình phù hợp, hiệu quả ra toàn vùng.

Mô hình 1: Nuôi thủy sản kết hợp Vọp (*Geloina coaxans*) và ốc len (*Cerithidea obtusa*) dưới tán rừng ngập mặn;

Mô hình 2: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) dưới tán rừng trồng trong vùng đệm ven đê;

Mô hình 3: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*), tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo VietGAP;

Mô hình 4: Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) kết hợp với cá đối mực (*Mugil cephalus*), cá rô phi (*Sarotherodon*) trong hệ thống ao nuôi;

Mô hình 5: Nuôi cá Kèo (*Pseudapocryptes elongatus*) thâm canh trong ao đất;

Mô hình 6: Trồng cây ăn quả chịu mặn (Dừa, Mãng cầu, Thanh Long) hướng đến phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp vùng ven biển;

Mô hình 7: Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học (bò thịt, dê kiêm dụng, gia cầm thả vườn, vịt Biển.

Trồng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển

Khôi phục rừng ngập mặn ven biển: Trồng bổ sung rừng ngập mặn ven biển tại các vị trí đai rừng mỏng: diện tích trồng bổ sung khoảng 40ha.

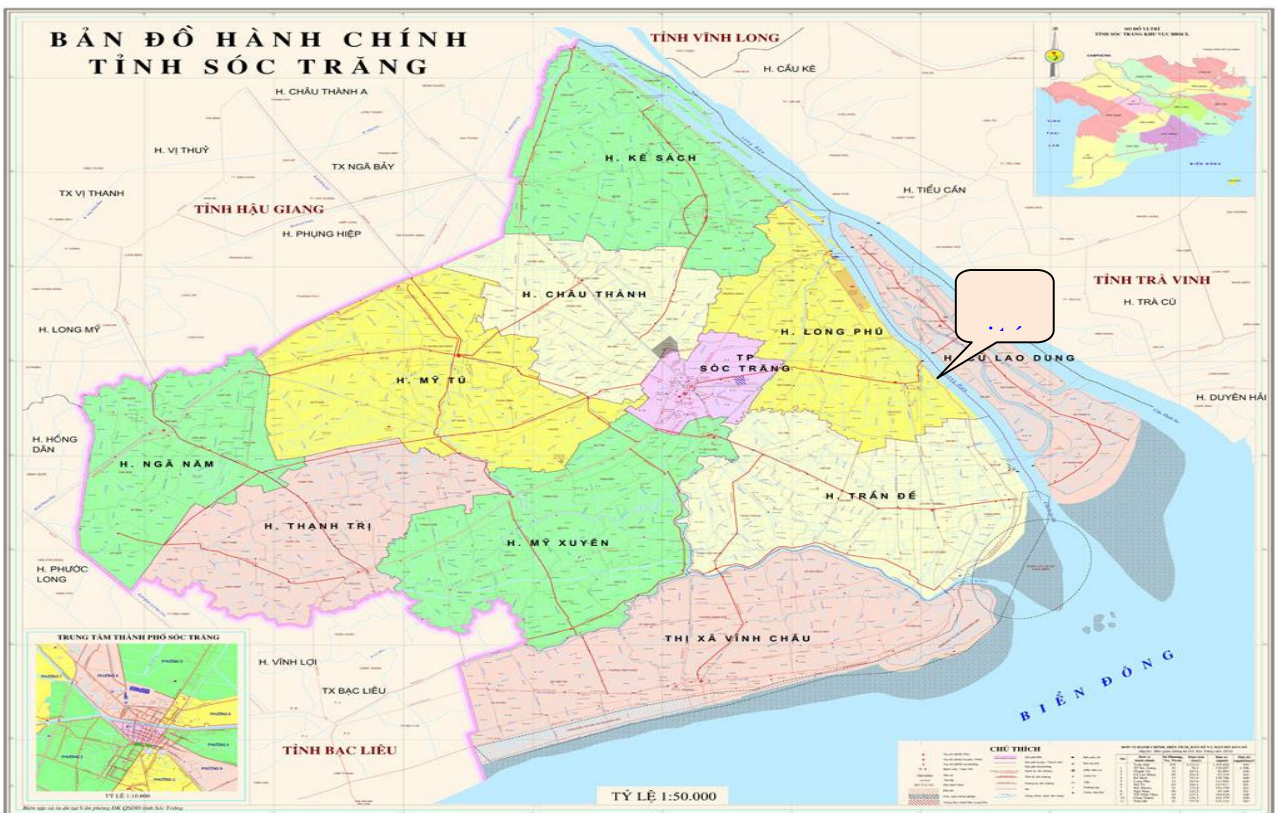
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ chuyển đổi và bảo vệ sản xuất

- Xây dựng nâng cấp hệ thống đê biển: Nâng cấp hệ thống đê biển dựa trên tuyến đê biển hiện trạng bắt đầu từ rạch Mù U đến đầu Vàm Hồ Lớn với chiều dài khoảng 22,454km

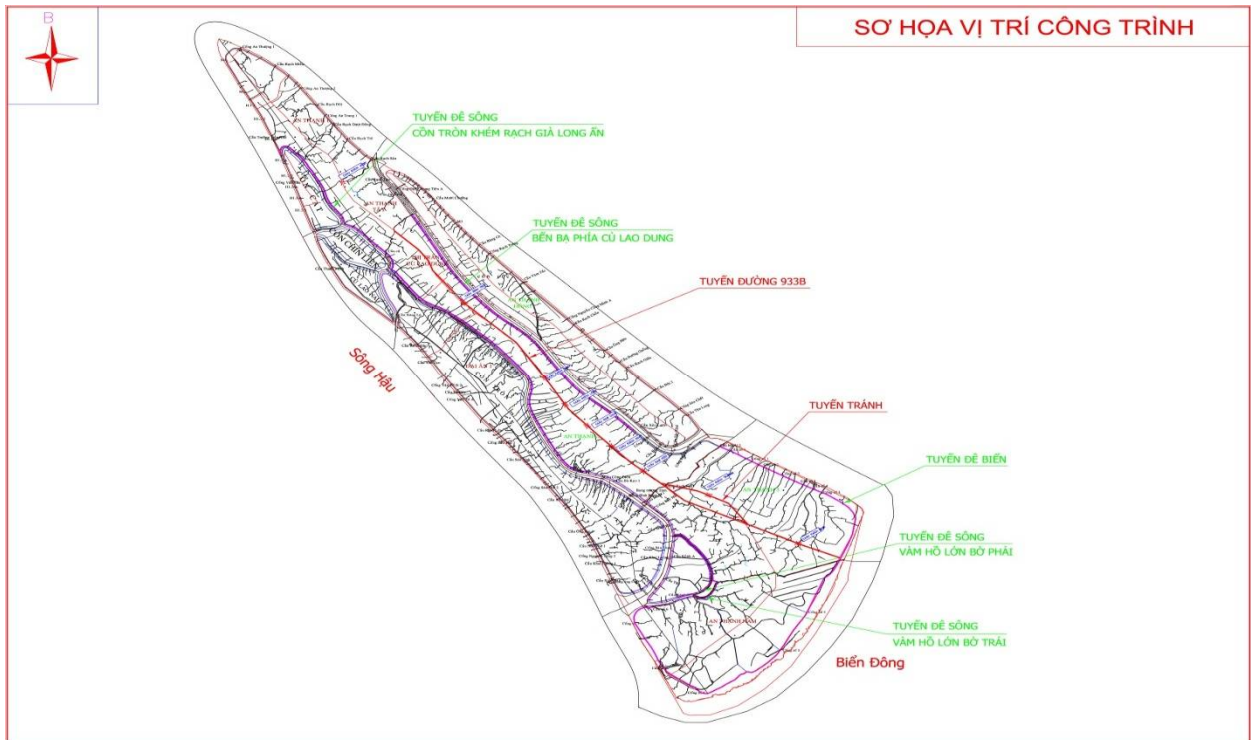
- Xây dựng hệ thống đê sông: (i) Xây dựng các tuyến đê sông trên địa bàn Cù lao Dung 2 tuyến đê ven sông Bến Ba, sông Còn Tròn 02 tuyến ven sông Vàm Hồ Lớn; (ii) Tuyến đê: Tuyến đi lùi đều từ mép sông (đê bao vòng ngoài hiện trạng) vào phía đồng từ 30-50m tuy nhiên những đoạn đi qua các khu vực hiện trạng là vuông tôm sẽ điều chỉnh tuyến đi theo bờ vuông (phía trong). Tổng chiều dài tuyến đê sông: 39,892 km; (iii) Đập đất: 46 cái chiều dài bằng chiều dài các rạch hiện trạng

- Nâng cấp tuyến đường giao thông 933B: Tổng chiều dài: L=21,827km (trong đó theo tuyến cũ 20,257km và đường tránh: 1.570km)

Cải tạo và xây dựng hệ thống điện: (i) Lưới điện trung thế: Chiều dài xây dựng: 16.696m trong đó cải tạo nâng cấp: 7.491m; xây dựng mới: 9.205m. (ii) Lưới điện hạ thế Chiều dài xây dựng: 19.916m trong đó cải tạo nâng cấp: 6.416m; xây dựng mới: 13.500m; (iii) Xây dựng trạm biến áp: Xây dựng mới 12 trạm.



Hình 1: Bản đồ vị trí vùng tiểu dự án



Hình 2: Sơ họa vị trí công trình

1.3. Mục tiêu của kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

Kế hoạch được chuẩn bị theo chính sách OP 4.10 về Dân tộc bản địa của WB. Kế hoạch được chuẩn bị dựa trên cơ sở đánh giá xã hội và tham vấn với người DTTS trong khu vực TDA.

EMDP này nhằm a) tóm tắt các tác động tiềm tàng của dự án đối với các DTTS và các biện pháp giảm thiểu; b) đề xuất các hoạt động phát triển cần phải được thực hiện để đảm bảo người DTTS trong khu vực dự án nhận được lợi ích kinh tế - xã hội thích hợp với văn hóa của họ. Các hoạt động phát triển được trình bày trong EMDP này được đề xuất trên cơ sở tham vấn với người DTTS nằm trong khu vực ảnh hưởng của dự án. Trong giai đoạn này, có một số tác động bất lợi đối với người DTTS liên quan đến thu hồi đất hay sản xuất nông nghiệp. EMDP nhằm cung cấp thêm lợi ích về kinh tế xã hội cho nhóm DTTS nằm trong khu vực dự án. Những lợi ích này là nhằm bổ sung cho những lợi ích của Tiểu dự án (TDA) đã được đề cập từ trước (nâng cao an toàn đập và đảm bảo cấp nước).

Tham vấn trước, cung cấp đầy đủ thông tin và tự do tham gia với người DTTS trong vùng TDA đã được thực hiện nhằm đảm bảo sự ủng hộ cao của người DTTS đối với việc thực hiện TDA.

2. KHUNG CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người dân tộc thiểu số

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013) ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam. Điều 5, Hiến pháp 2013 quy định:

1. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một loạt các chính sách nhằm phát triển, nâng cao điều kiện kinh tế - văn hóa – xã hội của người dân tộc thiểu số tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sau các chương trình 134 và chương trình 135 giai đoạn 1, giai đoạn 2, Chính phủ đã đưa ra chương trình 135 giai đoạn 3 để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc, miền núi. Việc xây dựng chính sách kinh tế xã hội cho từng vùng miền và từng nhóm đối tượng cần xét tới các nhu cầu của người DTTS. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam kêu gọi sự quan tâm đặc biệt đến người DTTS. Chính sách về giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người DTTS cũng đã được ban hành. Khuôn khổ pháp lý đã được cập nhật vào năm 2014, tất cả tài liệu pháp lý liên quan tới DTTS được trình bày trong Bảng 1

Bảng 1: Văn bản pháp luật liên quan đến Dân tộc thiểu số

2017	Thông tư 02/2017/TT-UBDT ngày 22/05/2017 về việc hướng dẫn thực hiện quyết định số 2085/QĐ-TTG ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020.
2017	Quyết định số 1163/QĐ-TTG, ngày 08/08/2017 về việc phê duyệt đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020”.
2016	Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng chính phủ: Về việc phê duyệt phê duyệt đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 – 2025
2016	Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng chính phủ: Về việc phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020
2016	Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 09 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.
2016	Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ
2013	Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.
2013	Quyết định số 2214/QĐ-TTg, ngày 14/11/2013 về việc phê duyệt đề án tăng cường hợp tác

	quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
2013	Thông tư liên tịch số 05/2013-TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 hướng dẫn Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn;
2013	Quyết định 29/2013/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.
2013	Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.
2012	Quyết định 54/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/12/2012 về Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015;
2012	Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc;
2012	Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBND ngày 17/1/1012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số;
2011	Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc
2010	Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 20/7/2010 của chính phủ về dạy và học tiếng dân tộc ở các trường học;
2009	Quyết định số 102/2009/QĐ-TTG ngày 07/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn;
2008	Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của chính phủ ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo nhất;
2007	Thông tư 06 ngày 20/9/2007 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn về việc hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện sinh kế của người dân, hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao kiến thức về luật theo quyết định 112/2007/QĐ-TTg;
2007	Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Ủy ban dân tộc chấp thuận ba vùng dân tộc thiểu số và khu vực miền núi dựa trên tình trạng phát triển;
2007	Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban dân tộc về việc công nhận các xã, huyện ở các khu vực miền núi;
2007	Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 12/1/2007 của Ủy ban dân tộc về chiến lược truyền thông cho chương trình 135-giai đoạn 2.

2.2. Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10)

Mục tiêu chính sách OP 4.10 của NHTG hướng tới việc hạn chế những yếu tố ảnh hưởng, tác động tiêu cực tới người DTTS và tăng cường các hoạt động nhằm mang lại lợi ích và lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống của họ. NHTG yêu cầu người dân bản địa (ở đây được hiểu là DTTS) được cung cấp đầy đủ thông tin và tự do tham gia và dự án phải được phần lớn người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án ủng hộ. Dự án được thiết kế để đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số không phải chịu những tác động xấu của quá trình phát triển, đặc biệt là những tác động của các dự án do NHTG tài trợ, và đảm bảo rằng họ sẽ được thụ hưởng những lợi ích kinh tế, xã hội và những lợi ích này phù hợp với văn hóa của họ.

Chính sách định nghĩa dân tộc thiểu số có thể được xác định trong các khu vực địa lý đặc biệt bởi sự hiện diện về mức độ khác nhau của các đặc điểm sau:

(a) Tự gắn bó chặt chẽ như các thành viên của nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được thừa nhận về đặc điểm này bởi những người khác;

(b) Sống gắn bó tập trung tại môi trường khác biệt về địa lý hoặc vùng lãnh thổ do tổ tiên để lại trong khu vực có dự án và gắn với thiên nhiên tại môi trường sống và lãnh thổ đó;

(c) Thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị mang tính phong tục khác biệt so với những đặc điểm đó của văn hóa, xã hội chiếm đa số; và

(d) Ngôn ngữ bản địa thường khác so với ngôn ngữ chính thống của vùng hoặc nước đó.

Điều kiện bắt buộc để phê duyệt dự án đầu tư, OP 4.10 yêu cầu bên vay thực hiện tham vấn và công bố thông tin với các DTTS có thể bị tác động và thiết lập một mô hình hỗ trợ cộng đồng rộng lớn cho các tiểu dự án và mục tiêu của nó. Điều quan trọng cần lưu ý rằng OP 4.10 đề cập đến nhóm xã hội và cộng đồng, không cho từng cá nhân. Các mục tiêu chính của OP 4.10 là:

- Để đảm bảo rằng các nhóm này được dành cơ hội có ý nghĩa tham gia vào kế hoạch hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến họ;

- Để đảm bảo rằng các nhóm có cơ hội được cung cấp lợi ích văn hóa thích hợp với họ; và

- Để đảm bảo tránh những tác động bất lợi của dự án đến họ hoặc nếu không sẽ giảm thiểu và giảm nhẹ những bất lợi đó.

Trong bối cảnh của tiểu dự án, các nhóm DTTS trong khu vực tiểu dự án có khả năng nhận được những lợi ích lâu dài thông qua việc thực hiện TDA, nhưng họ có thể bị ảnh hưởng xấu do thu hồi đất và /hoặc di dời.

3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TIỂU DỰ ÁN

3.1. Tác động tích cực:

Việc nâng cấp tuyến giao thông huyết mạch cùng với xây dựng, nâng cấp đê sông, đê biển và hạng mục trên đê sẽ mang lại các tác động tích cực sau:

Ngăn lũ và phòng chống lụt bão, ngăn xâm nhập mặn. Khi TDA hoàn thành và đi vào hoạt động thì những tác động đến chế độ xâm nhập mặn và ngập úng do bão lũ, triều cường mang tính tích cực, dưới hoạt động điều tiết của các tuyến đê, cống sẽ hạn chế quá trình ngập úng và xâm nhập mặn vào các kênh rạch nội đồng, thêm vào đó khi các cống cung cấp đủ nước ngọt cho sử dụng sẽ làm giảm bớt độ mặn trong các sông kênh trong vùng TDA.

Tăng cường tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học. Khi hệ thống kênh mương nội đồng được cung cấp với đầy đủ nước ngọt, và phương pháp canh tác bền vững được áp dụng sẽ đóng góp vào gia tăng các loài nước ngọt (ví dụ: cá lóc, cá sọc vằn, rô đồng, các rô phi, cá trê...) và tính đa dạng sinh học nông nghiệp (đa dạng loại cây trồng và vật nuôi). Có cũng sẽ được giảm sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu cũng như các hóa chất sử dụng trong nuôi trồng thủy sản. Như vậy, chất lượng của môi trường được kỳ vọng sẽ cải thiện. Cải thiện nguồn tài nguyên sinh học

và đa dạng sinh học cũng tăng cường các giải pháp sinh kế cho người dân chuyển sang phương pháp canh tác bền vững.

Đóng góp vào việc sự phát triển kinh tế. Đê biên Cù Lao Dung nằm về phía Nam của huyện, có tổng chiều dài trên 23,0km, cùng với các tuyến đê cửa sông và công trình khác trong toàn vùng Cù Lao Dung đã thực hiện nhiệm vụ ngăn nước tràn do triều cường, chống bão, bảo vệ dân cư và các ngành kinh tế cùng với các tuyến đê sông đảm bảo nhiệm vụ ngăn mặn, tiêu úng và trữ ngọt cho 26.140 ha đất tự nhiên, trong đó có 14.811 ha đất nông nghiệp để đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất. Kết hợp phát triển giao thông nông thôn, bố trí dân cư hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi hàng đầu sẽ góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập của người dân trong vùng.

Thúc đẩy việc phát triển xã hội. Thực hiện TDA sẽ góp phần cải thiện các điều kiện xã hội: (i) Việc xây dựng các cây cầu trên các cống sẽ góp phần vào việc cải thiện mạng lưới giao thông đường bộ của các xã, huyện trong vùng. Việc vận chuyển hàng hóa cũng sẽ nhanh hơn và giảm được chi phí vận chuyển. Đặc biệt là đối với huyện Cù Lao Dung, người dân chủ yếu là trồng mía, nuôi tôm, việc giảm thời gian vận chuyển sẽ giúp giá thành đầu ra sản phẩm sẽ được ổn định và đảm bảo cao hơn; (ii) người dân được tiếp cận các loại dịch vụ như y tế, chăm sóc sức khỏe tốt hơn do điều kiện đi lại thuận lợi; (iii) góp phần vào nối liền các vùng địa lý, tạo điều kiện cho các hoạt động giao lưu văn hóa, tham gia vào các lễ hội lớn của người dân trong vùng và (iv) người dân các xã trong vùng TDA vẫn sử dụng nguồn nước sông cho việc sinh hoạt nên việc trữ ngọt sẽ góp phần cung cấp nguồn nước và cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho người dân.

Nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH. Mục tiêu của TDA là mở rộng diện tích nuôi trồng được chứng nhận hữu cơ ở Sóc Trăng là đồng thời nâng cao năng lực thích ứng BĐKH thông qua các mô hình sinh kế bền vững với định hướng thị trường. Việc làm này sẽ góp phần nâng cao diện tích rừng, góp phần ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, thành lập Tổ ứng phó BĐKH cùng với các chiến dịch nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của BĐKH cũng sẽ góp phần nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH.

Tăng thu nhập của người dân địa phương. Cơ sở hạ tầng đảm bảo sẽ giúp người dân yên tâm mạnh dạn đầu tư vào sản xuất với quy mô lớn, hiệu quả cao hơn. Đầu tư dự án sẽ đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp thích ứng với triều cường, chủ động trong sản xuất và linh hoạt chuyển đổi các mô hình sản xuất mang lại sinh kế tốt hơn cho người dân trong khu vực. Dự án được đầu tư sẽ là điều kiện để khai thác hết tiềm năng hiện có trong huyện về điều kiện tự nhiên, con người để phát triển mở rộng các mô hình sản xuất đa dạng, ổn định mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

3.2. Tác động tiêu cực

3.2.1. Tác động trong giai đoạn chuẩn bị dự án

a. Thu hồi đất và tái định cư

Việc thực hiện TDA sẽ ảnh hưởng đất và tài sản trên đất của 1.595 hộ gia đình (7.246 người) thuộc 5 xã và 01 thị trấn của huyện Cù Lao Dung. Có 285 hộ thuộc nhóm hộ dễ bị tổn

thương trong đó: 84 hộ nghèo; 37 hộ cận nghèo; 4 hộ chủ hộ là phụ nữ và có người ăn theo; 2 hộ là người già neo đơn; 2 hộ chủ hộ là người tàn tật và không còn khả năng lao động; 41 hộ không có đất; 43 hộ dân tộc thiểu số (trong đó có 1 hộ nghèo; 1 hộ cận nghèo; 1 hộ không có đất) và 76 hộ gia đình chính sách.

Tác động về đất: 561.082 m² trong đó: 497.936 m² đất ảnh hưởng vĩnh viễn (1.410 hộ), 63.146 m² đất ảnh hưởng tạm thời (785 hộ). (Chi tiết xem bảng 2)

Bảng 2: Tác động thu hồi đất khi thi công dự án

STT	Loại tài sản	Đơn vị	Diện tích (m ²)		Số hộ	
			Vĩnh viễn	Tạm thời	Vĩnh viễn	Tạm thời
1	Đất ở	m ²	10.718	1.62	670	29
2	Đất trồng cây hàng năm	m ²	366.56	54.915	662	662
3	Đất trồng cây lâu năm	m ²	37.205	3.22	147	62
4	Đất nuôi trồng thủy sản	m ²	11.453	2.291	30	30
5	Đất sản xuất kinh doanh	m ²	200	1.1	1	2
6	Đất công cộng	m ²	43.8	-	-	-
7	Đất thủy lợi	m ²	28			
Tổng cộng			497.936	63.146	1.410	785

Nguồn: Điều tra IOL – 7/2017

Tác động đến tài sản trên đất khi thi công các hạng mục công trình của TDA sẽ tác động đến tài sản trên đất của các hộ gia đình như sau:

- Đối với ảnh hưởng tới cây trồng: 5.218 cây ăn quả (532 hộ); 1.537 cây lấy gỗ (161 hộ); 119.998 m² cây hàng năm (577 hộ) và 1.033 cây cảnh (203 hộ).

- Ảnh hưởng nhà: Nhà chính: 2.871 m² nhà tạm (91 hộ); 313 m² nhà bán kiên cố (17 hộ); 897 m² nhà kiên cố (24 hộ). Nhà phụ: 834 m² (24 hộ).

- Ảnh hưởng công trình phụ và vật kiến trúc: Các công trình phụ như bếp, mái hiên, chuồng trại, lán, cửa hàng và các vật kiến trúc như: sân, hàng rào, và cây nước của 504 hộ gia đình

- Kết quả điều tra IOL cho thấy có 9 ngôi mộ của 4 hộ gia đình. Đối với người Việt Nam, ngôi mộ là vấn đề tâm linh quan trọng. Nếu xử lý không khéo léo sẽ gây bất bình trong cộng đồng dân cư, đặc biệt là 4 hộ chịu ảnh hưởng trực tiếp.

Bảng 3: Tác động của dự án đến tài sản của các hộ gia đình

STT	Loại tài sản	Đơn vị	Số lượng	Số hộ
A	Ảnh hưởng cây trồng			
	Cây ăn quả	Cây	5.218	532
	Cây lấy gỗ	Cây	1.537	161
	Cây hàng năm	m ²	119.998	577
	Cây cảnh	Cây	1.033	203
B	Ảnh hưởng nhà			

STT	Loại tài sản	Đơn vị	Số lượng	Số hộ
1	<i>Nhà ở</i>	<i>m²</i>	<i>4.081</i>	<i>132</i>
	Nhà tạm	m ²	2.871	91
	Nhà kiên cố	m ²	313	17
	Nhà bán kiên cố	m ²	897	24
2	<i>Nhà phụ</i>	<i>m²</i>	<i>834</i>	<i>24</i>
C	Ảnh hưởng các loại công trình phụ			
1	Cửa hàng	m ²	816	29
2	Bếp	m ²	120	6
3	Giếng (cây nước)	Cái	8	8
4	Mái hiên	m ²	709	39
5	Hàng rào	m ²	540	25
6	Chuồng trại	m ²	38	2
7	Lán	m ²	390	12
8	Sân	m ²	7.115	267
D	Mỏ mả	Ngôi	9	4

Nguồn: Điều tra EOL – 7/2017

b. Rà phá bom mìn

Cù Lao Dung là khu vực đã chịu nhiều ảnh hưởng của bom mìn trong chiến tranh. Khi thi công các hạng mục công trình sẽ phải đào sâu xuống dưới mặt đất, bom có thể còn nằm trong tầng đáy sông hoặc trong các tầng đất. Do vậy, khi tiến hành thi công mà có bom mìn còn sót lại tại khu vực thi công thì sẽ xảy ra tai nạn và gây thương vong và tổn thất cho dự án.

Chủ đầu tư sẽ rà phá bom mìn trên tổng diện tích là 305,51 ha nhằm đảm bảo an toàn về người và thiết bị trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình của dự án. Tuy nhiên, việc rà phá bom mìn không đúng kỹ thuật hoặc bất cẩn có thể gây ảnh hưởng đến sinh mạng chiến sĩ quân đội và nhân dân xung quanh khu vực.

3.2.2. Tác động trong giai đoạn thi công

a. Các hoạt động thi công của dự án

Các hoạt động thi công các hạng mục của tiểu dự án sẽ bao gồm: (1) Chuẩn bị mặt bằng thi công; (2) Bố trí lán trại, nơi tập kết tạm vật liệu; (3) Vận chuyển vật tư, máy móc, thiết bị; (4) đào đất (6) đóng cừ, đóng cọc; (7) phá dỡ cầu cũ; (8) đắp và đầm nén đất; (9) Công tác bê tông và bê tông cốt thép; (10) tập trung đông công nhân.

b. Tác động chung của các hoạt động xây dựng

Nguồn và các đối tượng bị tác động trong thời gian thi công các hạng mục của tiểu dự án được tổng hợp trong Bảng sau:

Bảng 4: Nguồn tác động và quy mô tác động trong giai đoạn thi công

TT	Tác động/ chất thải	Mô tả tác động	Đối tượng/khu vực tác động	Mức độ tác động	Thời gian tác động
1	Bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn, rung chấn	Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, tập kết tạm vật liệu xây dựng rời như đất, cát, đá, xi măng và chất thải phát sinh trong quá trình thi công (thực bì, xà bần); Khí phát thải từ xe, máy thi công như xe tải máy xúc, cần cẩu; Mùi hôi phát sinh từ công tác đào đất để thi công tuyến đê và thi công hạng mục cầu, cống; Tiếng ồn từ các máy thi công, khi đóng cọc thi công cầu, khi tập kết nghiền vật liệu; Rung do hoạt động đóng cọc thi công cầu, do hoạt động lu đường.	Người dân xung quanh khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển; Công nhân lao động trên công trường; Cơ sở hạ tầng và cảnh quan xung quanh khu vực thi công.	Trung bình	Ngắn
2	Chất thải rắn	Xà bần từ việc giải phóng mặt bằng, từ phá dỡ cầu hiện trạng. Chất thải sinh hoạt của công nhân tại các khu lán trại xây dựng; Chất thải xây dựng như vữa thừa, sắt theps vụn, bao bì nilon... Chất thải nguy hại: từ hoạt động vệ sinh bảo dưỡng thiết bị thi công, vận chuyển;	Dân cư sống dọc theo các tuyến thi công, khu lán trại công nhân	Trung Bình	Ngắn
3	Nước thải phát sinh	Nước thải từ rửa các phương tiện, máy móc thi công. Nước thải sinh hoạt của công nhân tại các khu lán trại xây dựng.	Nguồn nước mặt xung quanh dự án	Trung Bình	Ngắn
4	Suy giảm chất lượng nước	Hoạt động đào đất ở lòng sông Cồn Tròn và Bến Bạ, thi công cống và cầu; Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân; Nước thải từ rửa các phương tiện, máy móc thi công;	Suy giảm chất lượng nước mặt trên kênh/sông, đặc biệt là sông Cồn Tròn và sông Bến Bạ.	Nhỏ	Ngắn
5	Tài nguyên sinh vật	Phát quang và bóc phong hóa tạo mặt bằng: tác động trực tiếp đến sinh vật trên cạn (cây xanh, thảm thực vật phủ, động vật trên cạn mất nơi cư trú...); Hoạt động thi công cầu, cống và đào đất dưới lòng sông tác động trực tiếp đến hệ thủy sinh; Thi công đê và các công trình trên đê biển làm ảnh hưởng đến tài nguyên sinh vật của khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung	Hệ sinh thái trên cạn tại khu vực giải phóng mặt bằng; Thủy sinh tại các vị trí xây dựng cầu, cống và đào đất. Hệ sinh thái rừng ngập mặn Cù Lao Dung.	Trung bình	Ngắn
6	Xáo trộn và tăng rủi ro về tai	Hoạt động đào đất để thi công đường, cầu giao thông trên đường, đào đất để thi công công và cầu trên tuyến đê biển;	Rủi ro cho người dân tham gia giao thông	Lớn	Ngắn

TT	Tác động/ chất thải	Mô tả tác động	Đối tượng/khu vực tác động	Mức độ tác động	Thời gian tác động
	nạn giao thông	Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải đổ bỏ ảnh hưởng đến giao thông đường bộ và đường thủy.			
7	Rủi ro xói mòn, trượt lở đất	Đào các hố sâu (cống, cầu) và đào đất lòng sông gây khả năng sụt trượt đất là rất lớn.	Mất an toàn cho công nhân, người dân và cơ sở hạ tầng xung quanh	Trung Bình	Ngắn
8	Tăng rủi ro bồi lắng, ngập cục bộ	Hoạt động đào đắp, thi công đập đất có thể dẫn tới ngập úng, bồi lắng cục bộ tại khu vực thi công khi trời mưa to; Việc chặn dòng thi công có thể dẫn đến tiêu thoát không kịp trong mùa mưa làm ngập úng cục bộ.	Tại khu vực xây dựng đập đất, cầu và cống	Trung Bình	Ngắn
9	Cảnh quan, mỹ quan đô thị	Hoạt động đào đắp, thi công tuyến công trình tác động trực tiếp đến mỹ quan đô thị, đặc biệt là tuyến đường 933B (các hoạt động của các trường học, trạm y tế, các cơ quan nhà nước); Tập kết vật liệu thi công, chất thải xây dựng gây mất mỹ quan khu vực thi công.	Tuyến đường 933B, các tuyến đê	Lớn	Ngắn
10	Gây hư hỏng, gián đoạn các dịch vụ CSHT hiện có	Ảnh hưởng đến các công trình CSHT trên tuyến đường như hệ thống thoát nước thải, hệ thống biển báo, chiếu sáng; Nâng cấp các tuyến cống làm ảnh hưởng đến việc thoát nước; Làm gián đoạn công tác thu gom rác thải tại các khu dân cư, Chợ Bền Bạ	Người dân trong khu vực thi công, cơ sở hạ tầng hiện có dọc theo tuyến	Trung Bình	Ngắn
11	Xáo trộn các hoạt động nghỉ ngơi, học tập, văn hoá, tín ngưỡng	Thi công tuyến đường sẽ làm phát sinh tiếng ồn cho khu vực trường THPT An Thạnh 3 gây ảnh hưởng đến quá trình học tập của các em học sinh. Đồng thời, việc tập trung thi công tuyến đường tại khu vực này sẽ làm ảnh hưởng đến công tác đến trường của các em học sinh	Các em học sinh/ giáo viên trường THPT An Thạnh 3	Trung Bình	Ngắn
12	Ảnh hưởng đến xã hội	Thi công tuyến công trình sẽ gây xáo trộn đến sinh hoạt, hoạt động kinh doanh các hộ dân, cơ quan hành chính, hoạt động du lịch hai bên các tuyến đường thi công; Sự tập trung lao động tại các công trường có thể gây mất trật tự xã hội, gia tăng các bệnh xã hội, như cờ bạc, HIV, nghiện hút,...;	Người dân sinh sống 2 bên đường;	Trung Bình	Ngắn
13	An toàn sức khỏe của công nhân	Tác động cộng hưởng bởi nhiều tác động	Người dân trong khu vực dự án	Trung Bình	Ngắn
14	An toàn sức khỏe	Toàn bộ các hoạt động của quá trình thi công đều có khả năng gây rủi ro mất an toàn đối với	Người dân xung quanh khu vực	Trung Bình	Ngắn

TT	Tác động/ chất thải	Mô tả tác động	Đối tượng/khu vực tác động	Mức độ tác động	Thời gian tác động
	của người dân	công nhân và người dân xung quanh khu vực thị công	thị công		

3.2.3. Tác động tiêu cực trong giai đoạn vận hành

Tác động đến chất lượng nước

a. Hệ thống cống, bọng và đê bao ảnh hưởng đến trao đổi nước và chất lượng nước

Công tác nâng cấp thủy nông nội đồng, xây dựng các bờ bao khép kín chủ động cấp thoát nước cho nông nghiệp, kết hợp đường giao thông nông thôn nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên cũng có các tác động tiêu cực do khẩu độ các cống bị thu hẹp, do đó ảnh hưởng tới khả năng lấy nước, tiêu nước và tự làm sạch của tự nhiên. Hoạt động cấp, thoát nước của cống và ô nhiễm nguồn nước có liên quan chặt chẽ với nhau. Trong mùa khô, chức năng chính của cống là để xả nước có chứa chất ô nhiễm ra ngoài vùng dự án và vận hành hệ thống cống để lấy nước tưới. Việc tính toán khẩu độ cống đáp ứng yêu cầu cấp nước và tiêu nước đã được đơn vị tư vấn lập dự án tính toán thủy lực và chất lượng nước. Tuy nhiên, thực tế có thể xảy ra những trường hợp khó lường, do đó cần quan trắc thường xuyên và có giải pháp thích ứng khi xảy ra các sự cố về môi trường và ô nhiễm nguồn nước.

Trong quá trình lập kế hoạch hoạt động, dựa trên địa điểm của người sử dụng nước cần thiết lập chương trình giám sát chất lượng nước đi thay đổi theo quá trình hoạt động của các cống và bờ bao. Chương trình sẽ xác định địa điểm, thông số chất lượng nước được giám sát, tần suất cũng như phương pháp lấy mẫu và phân tích.

b. Hoạt động của các cống, bọng gây bồi lắng kênh rạch

Sau một thời gian vận hành hệ thống cống sẽ xảy ra hiện tượng bồi lắng kênh cống do dòng nước chảy vào có mang theo các vật chất rắn lơ lửng, rác thải từ các kênh nội đồng... sẽ lắng đọng dưới đáy và trên bề mặt kênh cống theo thời gian, gây ảnh hưởng xấu đến dòng chảy, khối lượng và chất lượng nước trong vùng dự án.

Khi tốc độ dòng chảy bị thay đổi sẽ tác động đến việc tiêu thoát nước thải của các hộ dân, làm tắc nghẽn, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân và hoạt động sản xuất, gây gập úng và cản trở lưu thông khu vực. Vì vậy trong quá trình vận hành phải xác định thời gian quan trắc về sự bồi lắng lòng kênh cống, hệ thống cống để có kế hoạch nạo vét định kỳ.

Tác động đến hệ sinh thái

Dự án đã xây dựng hệ thống bờ bao khép kín toàn bộ khu vực đê sông và đê biển huyện Cù Lao Dung. Trước khi chưa có hệ thống bờ bao, đây là vùng đất bị ngập úng do lũ và triều từ sông Hậu, việc canh tác nông nghiệp được trên vùng đất bị ngập nước còn bấp bênh. Tuy nhiên, khu vực này sẽ có một lượng phù sa được bồi đắp hàng năm và phát triển một số loài động thực vật

trên đất ngập nước. Tuy nhiên, các loài động thực vật này không có nhiều giá trị mà vùng đất ngập này đe dọa đến việc canh tác nông nghiệp của người dân. Sau khi đê bao được hình thành sẽ thay đổi hệ sinh thái đất ngập nước thành hệ sinh thái vườn, tăng cường khả năng tưới - tiêu, điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu xây dựng các khu du lịch sinh thái, vừa phát triển kinh tế nông nghiệp, vừa tăng độ đa dạng sinh học cho vùng.

Bên cạnh các tác động do đê bao, tác động do vận hành các công cũng ảnh hưởng đến hệ sinh thái vùng dự án. Nước mưa có thể cuốn trôi theo nitrat và phốt phát của các loại phân bón hóa học từ các đồng ruộng khu vực tiếp giáp xuống lòng kênh rạch gây ra hiện tượng phú dưỡng nếu hệ thống công không được vận hành đóng mở hợp lý để vệ sinh môi trường. Hiện tượng này làm ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nước mặt phục vụ việc sản xuất. Tác động này được đánh giá có mức độ trung bình và có khả năng phục hồi cao.

Khi TDA đi vào hoạt động, các rủi ro và sự cố môi trường có khả năng xảy ra bao gồm: (i) sự cố do sạt lở đê bao; (ii) sự cố hư hỏng cống; (iii) sự cố do hư hỏng cầu giao thông; và (iv) sự cố tai nạn. Chi tiết được đánh giá như sau:

Sự cố sạt lở đê bao

Như đã phân tích ở phần trên, các rủi ro và sự cố công trình có thể phát sinh là rất đáng quan tâm trong hoạt động của TDA. Các rủi ro và sự cố xảy ra trong vận hành hệ thống công trình phần lớn đều xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan, đôi khi cũng có những nguyên nhân khách quan.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể như sau: (i) Chất lượng công trình xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; (ii) Công tác duy tu và bảo vệ đê không tốt; và (iii) Do tác động trực tiếp của khí hậu cực đoan như: mưa bão lớn, lũ lớn kết hợp giông bão, sóng biển với những đoạn đê biển...

Một khi sự cố sạt lở xảy ra sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kinh tế và đời sống của người dân do ngập úng, nhất là vị trí điều kiện địa hình có cao trình thấp hơn mực nước biển như huyện Cù Lao Dung, ảnh hưởng đến tính mạng của người dân sinh sống.

Sự cố hư hỏng cống

Nguyên nhân dẫn đến rủi ro, sự cố như sau: (i) Chất lượng công trình xây dựng ban đầu không đảm bảo chất lượng kỹ thuật; (ii) Vận hành hệ thống công trình không đúng quy định; (iii) Công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên không tuân thủ theo chế độ quy định; (iv) Không tuân thủ đầy đủ quy trình tác nghiệp trong duy tu, sửa chữa công trình cống;

Một khi cửa cống bị hư hỏng thì tình trạng ngập úng sẽ phát sinh, ảnh hưởng đến cây trồng và sản xuất của người dân.

Sự cố hư hỏng đường giao thông bộ

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể như sau: (i) Chất lượng công trình xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; (ii) Công tác duy tu và bảo vệ cầu không tốt; và (iii) Do tác động trực tiếp của khí hậu cực đoan như, mưa bão lớn, lũ lớn kết hợp giông bão...

Một khi sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân, ảnh hưởng đến tính mạng của người dân đang lưu thông trên cầu và gây ô nhiễm môi trường nước trong trường hợp các phương tiện lưu thông chuyên chở hàng hoá với khối lượng lớn hoặc vận chuyển chất nguy hại.

Sự cố tai nạn giao thông

Sự cố tai nạn giao thông gây thiệt hại về tài sản và tính mạng. Nguyên nhân là do phương tiện vận chuyển không đảm bảo kỹ thuật hoặc do người điều khiển không chú ý hoặc không tuân thủ các nguyên tắc an toàn giao thông. Đặc biệt sau khi các công trình nâng cấp đường 933B và 09 cầu hoàn thành, lưu lượng giao thông qua đây chắc chắn sẽ tăng cao. Tuy nhiên, sự cố này hoàn toàn có thể phòng tránh được bằng việc lắp đặt các biển báo giao thông trên cống và cầu, vận động người dân chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông, sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo chất lượng...

3.2.4. Tác động kéo theo

Việc xây dựng hệ thống đê bao khép kín có khả năng giảm chế độ làm sạch tự nhiên sẽ dẫn đến việc sử dụng nhiều thuốc trừ sâu. Thuốc trừ sâu là những chất độc hại cần được cân nhắc trước khi thải vào môi trường. Mặc dù mỗi loại thuốc trừ sâu đều có tác dụng tiêu diệt loại sinh vật gây hại nhất định, nhưng việc sử dụng quá mức sẽ dẫn đến ô nhiễm không khí, đất và nước khi các chất này chảy tràn ra môi trường, rò rỉ ra khỏi kho chứa, thải bỏ không đúng cách và đặc biệt là khi được phun vào môi trường không khí.

Các loài động vật như chim có thể bị nhiễm độc bởi dư lượng thuốc trừ sâu còn trên thực phẩm sau khi phun. Việc phun thuốc trừ sâu ở một khu vực có thể tiêu diệt nguồn thức ăn của một số loại động vật, dẫn đến chúng phải di chuyển đến nơi khác, thay đổi chế độ ăn uống hoặc chết đói. Cá và các loài thủy sinh khác có thể bị ảnh hưởng khi nước bị ô nhiễm thuốc trừ sâu. Phun thuốc diệt cỏ vào nguồn nước có thể làm chết thực vật nước, suy giảm hàm lượng oxy của nguồn nước và làm chết cá.

Các vấn đề về sức khỏe và an toàn cộng đồng phát sinh trong quá trình canh tác các loại cây hàng năm bao gồm: i) khả năng tiếp xúc với thuốc trừ sâu khi được phun, thải bỏ và sử dụng bao bì và thùng chứa không đúng cách và sự có mặt của thuốc trừ sâu ở nồng độ có hại trong các sản phẩm sau thu hoạch; ii) Khả năng tiếp xúc với tác nhân gây bệnh và mùi hôi do sử dụng phân bón; và iii) tiếp xúc với khí thải từ đốt chất thải từ cây trồng.

Thuốc trừ sâu cần được quản lý để xâm nhập vào môi trường đất hoặc nước sử dụng chúng theo đúng chiến lược quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và Kế hoạch quản lý thuốc trừ sâu (PMP).

3.2.5. Tác động tiềm tàng của các hoạt động dự án

Người DTTS có thể họ không đủ trình độ và nhận thức để tận dụng những thứ dự án mang lại cho họ như định hướng phát triển kinh tế thông qua việc hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất của dự án; việc đi lại thuận tiện cũng là một lợi thế để họ có thể thuận lợi trong việc phát triển buôn bán cũng như phát triển về du lịch quảng bá về văn hóa các lễ hội của người dân tộc Khmer.

3.3. Các biện pháp giảm thiểu

3.3.1. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn chuẩn bị

Tham vấn các bên có liên quan

Nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan tới những tác động tiêu cực có thể phát sinh và nhằm thiết lập kênh thông tin liên lạc, trong quá trình chuẩn bị dự án đã tham vấn nhiều lần với cộng đồng sở tại. Do dự án có tính chất vay vốn nước ngoài, mức đền bù trên một địa bàn cùng tồn tại nhiều loại vốn đầu tư với các chính sách đền bù hỗ trợ không nhất quán sẽ sinh khiêu kiện do đó tỉnh sẽ có các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện công tác kiểm kê, chi trả, mức giá thay thế của dự án dựa trên khung chính sách tái định cư của dự án được Thủ tướng phê duyệt. PPMU phối hợp chính quyền địa phương tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng về mục tiêu đầu tư dự án, các chính sách của dự án để cộng đồng hiểu rõ về những lợi ích của tiểu dự án đem lại và phương thức vận hành của tiểu dự án.

Lập kế hoạch hành động tái định cư

Mặc dù đã rất nỗ lực để tránh thu hồi đất và tái định cư người dân địa phương nhưng vẫn không thể tránh khỏi yêu cầu thu hồi đất và các tài sản khác của người dân. Theo yêu cầu của WB, dự án đã lập Kế hoạch hành động tái định cư cho các dự án vòng một và kế hoạch tái định cư cho tiểu dự án cũng đang được lập tương tự. Kế hoạch này phản ánh cách thức dự án sẽ giảm thiểu tổn thất của những người BAH trong dự án, khôi phục sinh kế của họ bằng cách đền bù, hỗ trợ, và/hoặc trợ cấp cho họ. Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động tái định cư nhằm đảm bảo rằng tất cả những người BAH đều được bồi thường theo giá thay thế những tổn thất của họ và đưa ra những biện pháp hỗ trợ khôi phục để họ có thể khôi phục sinh kế của họ - ít nhất là như mức trước khi có tiểu dự án.

3.3.2. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công

Các biện pháp giảm thiểu các tác động trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành, các quy tắc thực hành môi trường liên quan đến hoạt động xây dựng các hạng mục của dự án;

Tập huấn về các đặc trưng văn hóa cho các nhà thầu về: xây dựng các nội quy, cách ứng xử của công nhân với người DTTS

3.3.3. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn triển khai thực hiện

- Tập huấn nâng cao nhận thức cho người DTTS nhằm giúp người DTTS có khả năng tiếp cận và tham gia các hoạt động sinh kế của dự án;
- Ưu tiên người DTTS tham gia vào các mô hình sinh kế của TDA;
- Lòng ghép hộ DTTS tham gia tập huấn kỹ thuật cùng với các lớp tập huấn về kỹ thuật của dự án;
- Tăng cường công tác tuyên truyền bằng ngôn ngữ Khmer;

Bảng 5: Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn xây dựng

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
<p>1. Bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn, rung chấn</p>	<p>Các phương tiện vận chuyển và thi công sẽ phải tuân theo tiêu chuẩn TCVN 6438-2005 về giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải và Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>Thường xuyên bảo dưỡng và làm sạch máy móc và thiết bị thi công.</p> <p>Không được đặt máy móc và thiết bị ngoài ranh giới của công trường.</p> <p>Tối đa sử dụng các thiết bị điện để thi công góp phần hạn chế khói bụi.</p> <p>Phủ bạt tàu thuyền chở vật liệu xây dựng và không được chở quá tải trọng cho phép.</p> <p>Kế hoạch vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải nên tránh thực hiện vào giờ cao điểm và vào giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng) ở khu dân cư tại nơi cung cấp vật liệu và cụm dân cư xung quanh khu vực tập kết vật liệu.</p> <p>Sử dụng máy móc thi công mới, hiện đại, phát sinh độ ồn thấp.</p> <p>Tắt máy thiết bị khi không sử dụng để tránh cộng hưởng ồn.</p> <p>Các thiết bị thi công phải đảm bảo yêu cầu về độ ồn và phải được kiểm định của cơ quan chức năng mới được phép đưa vào lưu thông sử dụng.</p> <p>Cấm sử dụng thiết bị gây độ ồn trên > 55 dBA vào ban đêm tại vị trí thi công gần các cụm dân cư.</p> <p>Đối với máy đóng cọc chỉ hoạt động vào ban ngày, không được phép hoạt động vào ban đêm.</p> <p>Khi các phương tiện thi công gây ồn vượt quá tiêu chuẩn quy định phải ngưng sử dụng để bảo dưỡng.</p> <p>Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.</p> <p>Hạn chế sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn cho những vị trí thi công gần các đối tượng nhạy cảm với tiếng ồn như cụm dân cư ở thị trấn Cù lao Dung, Cụm dân cư ở Cầu rạch Tráng.</p>
<p>2. Chất thải rắn</p>	<p><u>Quản lý chất thải rắn thông thường</u></p> <p>Chất thải rắn sẽ được quản lý theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 về quản lý chất thải rắn và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và vật liệu thải;</p> <p>Giảm thiểu tối đa các hoạt động tạo ra chất thải;</p> <p>Thực hiện phân loại rác tại nguồn;</p> <p>Tăng cường tái sử dụng vật liệu và sử dụng các loại vật liệu tái chế. Như thủy tinh, tấm gỗ, thép, nhựa, vật liệu giàn giáo trên công trường, vật liệu đóng gói... sẽ được thu thập và tách ra để tái sử dụng cho các dự án khác hoặc bán để tái chế;</p> <p>Bố trí thùng rác tại các công trường xây dựng, văn phòng, khu lán trại; Các thùng được che phủ bằng nắp đậy kín để tránh phát tán</p>

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	<p>mùi hôi, tập trung ruồi; chuột; sâu bọ gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng sức khỏe công nhân;</p> <p>Tập trung các chất thải và dọn dẹp công trường xây dựng vào cuối mỗi ngày/ca làm việc. Vận chuyển các chất thải ra khỏi công trường trong thời gian sớm nhất có thể;</p> <p>Thu gom các chất thải và các vật liệu thải vận chuyển về bãi rác của huyện Cù Lao Dung;</p> <p>Đối với rác xây dựng lưu trữ tạm thời công trường trước khi vận chuyển đến nơi xử lý, các nhà thầu phải đảm: (i) khoảng cách an toàn nơi lưu chứa chất thải phải cách các sông, kênh mương thủy lợi là 250 m; (ii) phải giữ khoảng cách an toàn (200m) đến các cụm dân cư; (iii) nằm trong ranh công trình; (iv) che chắn khi trời mưa và v) lưu trữ trên công trường không quá 48 tiếng.</p> <p><u>Quản lý chất thải nguy hại</u></p> <p>Tất cả các chất thải nguy hại được lưu trữ, xử lý, vận chuyển theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;</p> <p>Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện bởi nhà thầu có chức năng xử lý chất thải nguy hại;</p> <p>Lưu trữ dầu mỡ, xăng, hóa chất bằng các thùng chứa đặc thù và riêng biệt riêng. Khu lưu trữ bố trí hệ thống an toàn và phòng cháy, thùng nước ứng cứu khẩn cấp, sàn không thấm nước, có mái che và cách xa các nguồn nhiệt cao;</p> <p>Tái sử dụng, hoặc từ chối sử dụng sản phẩm chứa bitum.</p>
3. Nước thải phát sinh	<p>Nhà thầu phải tuân thủ các điều luật Việt Nam liên quan đến việc xả nước thải vào các nguồn nước.</p> <p>Lập kế hoạch thi công hợp lý để tránh mùa mưa.</p> <p>Nhà vệ sinh di động phải được bố trí trên công trường phục vụ cho các công nhân thi công.</p> <p>Việc xả nước thải đã qua xử lý phải tuân thủ các quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT.</p> <p>Nước thải từ các khu vực điều hành và bảo trì máy móc phải có thiết bị thu gom váng dầu và không được thải trực tiếp vào sông.</p>
4. Suy giảm chất lượng nước	<p>Nếu có thể thì tốt nhất là thực hiện các hoạt động đào đắp đất trong mùa khô để giảm nước mưa chảy tràn từ công trường vào nguồn tiếp nhận dẫn đến gia tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm trong nguồn nước xung quanh.</p> <p>Giảm nguy cơ ô nhiễm nguồn nước do nước mưa rửa trôi bụi trên bề mặt công trường bằng cách giới hạn khoảng cách từ công trường tạm đến các sông Cồn Tròn, Bến Bạ và các kênh rạch vùng dự án sao cho tất cả các công trình tạm phục vụ thi công, khu vực chứa vật liệu tạm thời, khu vực để máy móc, khu vực bảo trì thiết bị, và lán trại công nhân phải xa các sông trên ít nhất là 150 mét.</p> <p>Không vất rác thải sinh hoạt và xây dựng vào các vào sông/kênh/rạch.</p> <p>Cung cấp các trang thiết bị vệ sinh trên công trường bao gồm nhà vệ sinh di động, thùng rác. Chất thải từ nhà vệ sinh được thu gom</p>

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	<p>và xử lý đúng quy định thông qua hợp đồng với các công ty môi trường địa phương.</p> <p>Che chắn cẩn thận khu vực chứa vật liệu thi công vào mùa mưa và các vị trí chứa chất thải xây dựng được lưu giữ trên công trường trong vòng 24 giờ cũng phải được che chắn.</p> <p>Cấm vệ sinh thiết bị thi công gần nguồn nước để tránh rò rỉ chất thải, bùn và nước thải nhiễm dầu vào nguồn nước.</p> <p>Vật liệu cần được che phủ thích hợp và đảm bảo trong quá trình vận chuyển để ngăn chặn rơi vãi đất, cát, các loại vật liệu và bụi xuống tuyến đường thủy nội địa phục vụ việc vận chuyển.</p>
5. Tài nguyên sinh vật	<p>Tất cả các hoạt động thi công chỉ được diễn ra trong ranh giới công trình và đảm bảo rằng vật liệu xây dựng và chất thải sẽ không rơi vào các khu vực xung quanh.</p> <p>Cấm xả rác thải xây dựng, rác thải sinh hoạt, nước thải và nước chảy tràn vào các khu vực xung quanh cũng như chặt phá cây cối ngoài ranh giới TDA.</p> <p>Trước khi kết thúc việc xây dựng nhà thầu phải thực hiện dọn dẹp công trường và khôi phục hiện trạng môi trường như: (i) Vận chuyển tất cả các vật liệu không sử dụng ra khỏi khu vực công trường; (ii) Tháo dỡ và di chuyển tất cả các máy móc và trang thiết bị, cơ sở vật chất tạm thời, nơi làm việc trong quá trình xây dựng; (iii) Phục hồi môi trường tại công trường.</p> <p>Sử dụng đê vây hồ móng cừ thép để thi công trong môi trường nước để giảm thiểu đến mức thấp nhất việc làm mất môi trường sống, biến động giới hạn chịu đựng của các loài động vật đáy và giảm lượng chất rắn lơ lửng trong nguồn nước tại địa điểm xây dựng.</p>
6. Xáo trộn và tăng rủi ro về tai nạn giao thông	<p>Trước khi thi công Nhà thầu sẽ chuẩn bị một bản dự thảo Kế hoạch Quản lý giao thông để cộng đồng bị ảnh hưởng, cơ quan quản lý giao thông và cảnh sát giao thông xem xét trước khi hoàn thiện. Kế hoạch Quản lý giao thông bao gồm các nội dung sau:</p> <p>Lựa chọn các tuyến đường vận chuyển một cách kỹ lưỡng để giảm thiểu đến mức tối đa sự gián đoạn giao thông của người dân.</p> <p>Làm rõ tuyến vận chuyển, thiết lập tốc độ giới hạn và thời gian vận chuyển (vận chuyển chủ yếu vào ban ngày).</p> <p>Phủ bạt tàu thuyền/ô tô vận chuyển nguyên vật liệu.</p> <p>Phương tiện giao thông phục vụ cho quá trình xây dựng phải nhường đường cho giao thông thường xuyên.</p> <p>Lắp đặt và duy trì các biển báo, ký hiệu, tín hiệu giao thông, rào chắn và thiết bị chiếu sáng tạm thời phục vụ cho quá trình xây dựng tiểu dự án.</p>
7. Rủi ro xói mòn, trượt lở đất	<p>Hạn chế xáo trộn, mất đi thảm thực vật và cây xanh hiện có;</p> <p>Sử dụng cọc cừ Larsen tại các khu vực đào sâu trên 2,5 m. Kiểm tra và gia cố cọc trong suốt quá trình thi công để đảm bảo sự ổn định và an toàn đối với các hố sâu;</p> <p>Gia cố khu vực có nền đất dốc, yếu và bảo vệ chúng bằng bao cát khi xảy ra rủi ro xói mòn.</p> <p>Không để các thiết bị, máy móc phục vụ thi công đậu hoặc thi công sát bờ đê.</p>

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
8. Tăng rủi ro bồi lắng, ngập cục bộ	<p>Bố trí hướng thoát nước tại các khu vực xây đập. Có phương án dẫn dòng thi công tại các vị trí thi công cống. Thi công theo hình thức cuốn chiếu trên tuyến đê sông để tránh trường hợp thi công đê làm tắc dòng chảy kênh rạch.</p>
9. Cảnh quan, mỹ quan đô thị	<p>Biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan và mỹ quan đô thị được trình bày như sau: Đặt các biển báo “Xin lỗi vì đã làm phiền” tại các điểm thi công nằm trong khu vực đông dân cư, khu vực công cộng; Giảm thiểu tối đa phần diện tích bị tác động; hoàn trả thảm thực vật, mặt đường, công trình bị tác động ngay sau khi công trình hoàn thành; Bố trí các khu tạm trữ vật liệu, rác thải gọn gàng, hợp lý trên các công trường thi công; Thiết lập các hàng rào xung quanh công trường xây dựng nếu gần đó là công trình văn hóa lịch sử, văn phòng cơ quan, trường học; Không để bãi chứa vật liệu xây dựng gần khu vực nhạy cảm trên (cách xa tối thiểu là 10m); Thu gom chất thải vật liệu xây dựng gọn gàng trong vòng 24h sau khi thi công xong; Dọn sạch các tàn dư trên công trường xây dựng khi thi công xong, đặc biệt là khu vực đông dân cư; Rửa xe định kỳ để giảm tác động của bụi đến mỹ quan đô thị; Tháo dỡ lán trại công nhân, công trình tạm sử dụng sau khi thi công, hoàn thổ môi trường, hoàn trả mặt đường khi bàn giao lại công trình cho chủ dự án. Lấp các hố đào, rãnh, mương thoát nước tạm để đảm bảo không ứ đọng nước gây mất vệ sinh môi trường.</p>
10. Gây hư hỏng, gián đoạn các dịch vụ CSHT hiện có	<p>Thông báo cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng ít nhất hai ngày trước khi cắt điện ngược để phục vụ thi công để xây dựng; Bố trí người điều khiển cầu khi cầu ống, vật liệu công kênh để để tránh thiệt hại cho các đường dây điện hoặc cơ sở hạ tầng gần khu vực thi công; Hoàn trả mặt đường, vỉa hè như hiện trạng ban đầu sau khi thi công xong; Các nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa, phục hồi và đền bù cho các thiệt hại, hỏng hóc gây ra do quá trình thi công.</p>
11. Xáo trộn các hoạt động nghỉ ngơi, học tập, văn hoá, tín ngưỡng	<p>Khi thi công gần một số di tích lịch sử văn hóa như chùa, đền thờ... thì nhà thầu sắp xếp kế hoạch xây dựng hợp lý tránh những ngày lễ hội hay sự kiện đặc biệt như ngày 1, 15 âm lịch, các ngày lễ. Khi thi công trong khu vực này, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện quản lý tốt lượng rác thải như thường xuyên dọn sạch các bãi thải, bãi vật liệu bố trí gọn gàng và chất thải vận chuyển ra khỏi công trường trong thời gian ngắn nhất; Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, giảm thiểu xáo trộn đến đời sống xã hội. Trong trường hợp phát hiện các cổ vật, vật thể có giá trị lịch sử, mồ mã dưới lòng đất, nhà thầu tuân thủ các biện pháp sau: Dừng các hoạt động xây dựng tại các khu vực phát hiện;</p>

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	<p>Mô tả nơi được phát hiện;</p> <p>Khoanh và bảo vệ khu vực có phát hiện. Trong trường hợp cổ vật là hài cốt, đồ cổ... bố trí một người bảo vệ cho đến khi chính quyền địa phương hoặc Sở Văn hóa và Thông tin tiếp nhận;</p> <p>Thông báo cho Tư vấn giám sát xây dựng, chính quyền địa phương hoặc đơn vị chịu trách nhiệm của các tài sản văn hoá của Việt Nam (trong vòng 24 giờ);</p> <p>Chính quyền địa phương hoặc đơn vị có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ các khu vực này trước khi có quyết định xử lý thích hợp. Phải có đánh giá của các nhà khoa học về di sản văn hóa; giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học, kinh tế xã hội;</p> <p>Việc xử lý sẽ thuộc về cơ quan có trách nhiệm. Điều này có thể làm thay đổi vị trí thi công, phương án lựa chọn nếu khu vực đã phát hiện có tầm quan trọng về khảo cổ học, di tích lịch sử ...</p> <p>Nếu các khu vực phát hiện giá trị cao cần bảo tồn khu vực theo khuyến cáo của các chuyên gia và yêu cầu của cơ quan có trách nhiệm về di tích văn hóa, Chủ đầu tư có thể phải thay đổi thiết kế để đảm bảo yêu cầu về bảo tồn khu vực đó;</p> <p>Các quyết định liên quan đến việc phát hiện, xử lý sự việc này sẽ được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng có liên quan.</p>
12. Ảnh hưởng đến xã hội	<p>Ưu tiên sử dụng thành viên của các hộ bị ảnh hưởng nặng hoặc hộ dễ bị tổn thương nếu họ đáp ứng yêu cầu;</p> <p>Thông tin đầu đủ và kịp thời cho chính quyền và người dân tại địa phương về kế hoạch của TDA trước khi tiến hành thi công.</p> <p>Có trách nhiệm khai báo tạm trú tạm vắng cho công nhân từ nơi khác đến tham gia lao động xây dựng công trình để cùng phối hợp quản lý.</p> <p>Thỏa thuận với cộng đồng địa phương về đánh giá và sử dụng các nguồn lực địa phương có thể tham gia thi công trên công trường.</p> <p>Kết hợp với chính quyền địa phương để tổ chức các chương trình tuyên truyền nhận thức về tệ nạn xã hội có thể có như các bệnh xã hội, khả năng lây nhiễm HIV/AIDS và một số bệnh lây nhiễm khác.</p> <p>Cộng đồng sẽ được thông báo để biết được việc thi công xây dựng có thể làm ảnh hưởng đến giao thông đường thủy/đường bộ để cùng phối hợp khắc phục.</p> <p>Bất kỳ vấn đề và khiếu nại nào của người dân cũng được chủ đầu tư ghi nhận và giải quyết tức thời và cách giải quyết cũng được ghi lại.</p> <p>Công nhân sẽ được trang bị các kiến thức để ứng xử với cộng đồng địa phương và các kiến thức về rủi ro lan truyền dịch bệnh.</p> <p>Lắp hàng rào để ngăn chặn người dân địa phương đi vào khu vực công trường, đặc biệt là khu vực có rủi ro cao (khu vực vận hành các thiết bị nặng...) và ở những vị trí này phải bố trí người canh gác.</p>
13. An toàn sức khỏe của	<p>Thiết lập các biện pháp an toàn theo yêu cầu của pháp luật và thực hành kỹ thuật tốt, cung cấp phương tiện sơ cứu tại những nơi công nhân dễ tiếp cận;</p>

Vấn đề môi trường và xã hội	Biện pháp giảm thiểu
công nhân	<p>Cử cán bộ phụ trách an toàn để giám sát thực hiện an toàn tại công trường;</p> <p>Cung cấp các thiết bị bảo hộ lao động cá nhân (PPE) thích hợp như giày, mũ, kính an toàn, nút bịt tai, găng tay... cho công nhân thi công. Môi trường làm việc đảm bảo theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động.</p> <p>Nhà thầu phải đảm bảo an toàn cho những người được phép vào công trường. Các địa điểm xây dựng phải được giữ sạch sẽ và gọn gàng để tránh nguy hiểm cho họ;</p> <p>Công nhân phải được cung cấp đầy đủ nước sạch đảm bảo vệ sinh;</p> <p>Công trường xây dựng sẽ được cung cấp các thiết bị vệ sinh/khu vực nấu ăn và lán trại hợp vệ sinh;</p> <p>Có hệ thống cảnh báo trường hợp khẩn cấp, công nhân người lao động trong công trường phải được tập huấn về nhận diện các trường hợp khẩn cấp và những nguy hiểm;</p> <p>Nhà thầu phải sẵn sàng cung cấp và duy trì đèn, hàng rào bảo vệ, biển báo và nhân viên bảo vệ để ngăn chặn người dân địa phương đi vào công trường;</p> <p>Kiểm tra sức khoẻ cho người lao động định kỳ theo quy định (6 tháng/lần);</p>
14. An toàn sức khỏe của người dân	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương, trong khu phố để thông tin về việc thi công công trình, phổ biến các vấn đề an toàn giao thông trong khu vực thi công để người dân rõ phòng tránh các rủi ro có thể phát sinh do thiếu thông tin.</p> <p>Không được chở quá tải trọng cho phép.</p> <p>Điều hành tàu di chuyển đúng tuyến luồng/ ô tô đi đúng làn đường quy định.</p> <p>Không được phép di chuyển và hoạt động thi công vào ban đêm.</p> <p>Thường xuyên theo dõi các thông báo của Cục quản lý đường thủy nội địa hoặc các Đoạn quản lý đường sông trực thuộc để biết những thay đổi về tuyến luồng quy định.</p> <p>Đơn vị thi công tiến hành thi công nhanh gọn, theo từng cụm công trình. Có cán bộ chuyên trách giám sát và điều khiển giao thông đường thủy/bộ.</p>

4. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DTTS TRONG VÙNG TIỂU DỰ ÁN

4.1. Đặc điểm về cộng đồng người DTTS trong vùng TDA

Tiểu dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung” nằm trên địa bàn huyện Cù Lao Dung. Theo số liệu thống kê của phòng dân tộc huyện Cù Lao Dung đến tháng 7 năm 2017 trên địa bàn huyện Cù Lao Dung có đồng bào dân tộc thiểu số đã sinh sống lâu đời tại khu vực, chủ yếu là người Kh’mer. Người Kh’mer là tộc người đã cư trú tại khu vực TDA lâu đời cùng với người Kinh. Hầu hết người DTTS đều nói được tiếng Việt do đó họ không gặp khó khăn khi giao tiếp với mọi người.

Dân số huyện Cù Lao Dung 64.559 người, trong đó nhóm người Kh’mer 1.711 hộ (6.673 người chiếm 10,33%) và một số các dân tộc khác chiếm khoảng 0,16%. Trong số 7 xã và 1 thị trấn thì xã An Thạnh Nam là xã có người DTTS sống nhiều nhất (567 hộ) xã có số hộ DTTS sống ít nhất là thị trấn Cù Lao Dung (44 hộ).

Bảng 6: Dân số các xã trong khu vực tiểu dự án

STT	Đơn vị	Hộ (hộ)	Dân số (người)	Loại hộ			
				Kinh (hộ)	Kh’mer (hộ)	Hoa (hộ)	Khác (hộ)
1	An Thạnh 1	1.944	7.949	1.878	61	3	2
2	An Thạnh Tây	1.520	6.584	1.473	47	-	-
3	An Thạnh Đông	2.300	8.855	2.125	175	-	-
4	An Thạnh 2	2.131	8.213	1.793	338	-	-
5	Đại Ân 1	2.397	8.990	2.252	144	1	-
6	An Thạnh 3	2.906	11.163	2.570	335	1	-
7	An Thạnh Nam	1.843	7.160	1.269	567	7	-
8	TT Cù Lao Dung	1.513	5.685	1.466	44	2	1
	Tổng số:	16.554	64.599	14.826	1.711	14	3

Nguồn: Phòng dân tộc huyện Cù Lao Dung năm 2017

4.1.1. Đặc điểm văn hóa của người Kh’mer

Văn hóa: Từ trước và hiện nay, chùa Kh’mer là nơi tập hợp xã hội-văn hóa của người Khmer. Tại mỗi chùa có nhiều sư (gọi là "Ông Lục") và dẫn đầu là các nhà sư trụ trì. Những người Kh’mer, trước khi đến tuổi trưởng thành của mình, thường dành một khoảng thời gian ở chùa để tìm hiểu và thực hành đạo đức cũng như kiến thức của mình. Hiện nay, ở huyện Cù Lao Dung, có 1 ngôi chùa Kh’mer là chùa Wath Kós Tung nằm tại xã An Thạnh 2. Trong quá trình triển khai dự án không gây ảnh hưởng đến công trình. Người Khmer có ngôn ngữ và chữ viết của mình, nhưng có cùng một nền văn hóa Việt Nam. Những người Khmer sống xen với người Kinh và người Hoa tại các ấp. Người Kh’mer miền Nam nói chung và tại Cù Lao Dung nói riêng có nhiều nghệ thuật độc đáo, phong tục, và văn hóa. Chùa lớn thường có đội chơi trống, dàn nhạc clarinet, các đội chơi các nhạc cụ âm nhạc, các đội tàu và thuyền, vv Mỗi năm, người Khmer có

nhiều lễ hội truyền thống và các ngày lễ, trong đó có những lễ hội lớn nhất bao gồm Lễ hội Chôn thoi nam thoi mây (lễ hội năm mới), kỷ niệm ngày sinh nhật của Đức Phật, lễ Đôn ta (lễ hội vào ngày 15 của tháng 7 âm lịch), Oóc bom boóc (lễ hội cúng trăng)

Trang phục của nam giới trong lễ tết, lễ hội, người đàn ông mặc áo dài trắng rộng, quần dài màu đen (hoặc áo cánh màu đen) và chiếc khăn đeo qua cơ thể của họ, từ vai trái qua hông phải. Đối với đám cưới, chú rể thường mặc "xà rông" (hol) và mặc áo sơ mi ngắn. Trang phục của phụ nữ trong các ngày lễ tết, lễ hội, phụ nữ Kh'mer mặc áo - "áo dài" - giống như người Chăm. Bên cạnh đó, người phụ nữ Kh'mer thường mặc chiếc khăn Krama với hình vuông màu xanh lá cây và dọc trên dệt nền trắng. Trong đám cưới, cô dâu thường mặc xăm pốt hól màu tím sẫm hoặc màu hồng sen, màu áo đỏ "tăm pông", đeo khăn quàng qua cơ thể của họ, mũ pkel plac hoặc nón cấp đa kim tự tháp làm bằng kim loại hoặc các tông.

4.1.2. Mối quan hệ của người DTTS với cộng đồng

Người DTTS và người Kinh trong vùng tiểu dự án cùng sinh sống và có mối quan hệ tốt với nhau. Họ sống xen kẽ và hòa hợp tốt với nhau, cùng học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm sản xuất. Trong cùng 1 tổ chức hành chính vừa có người DTTS vừa có người kinh tham gia làm cán bộ; trong cùng 1 nhà trường vừa có học sinh là người DTTS vừa có học sinh là người kinh, vừa có giáo viên là người DTTS vừa có giáo viên là người kinh; Trong các cuộc họp dân do ấp hoặc xã tổ chức người DTTS và người kinh cùng tham gia chung; Trong các cuộc thi đấu thể dục thể thao, giao lưu văn hóa văn nghệ thì người DTTS và người kinh tham gia thi đấu cùng nhau,....

Trên thực tế, không có rào cản về hôn nhân giữa các nhóm và nam và nữ giữa các nhóm khác nhau lấy nhau. Điều này phản ánh sự hội nhập ngày càng gia tăng giữa các nhóm DTTS trong vùng tiểu dự án. Mặc dù có những phong tục và thói quen khác nhau, người Kinh và người DTTS trong vùng tiểu dự án vẫn sống hòa thuận và không có mâu thuẫn do khác biệt văn hóa. Tình hình này là một thuận lợi để giải quyết các vấn đề tái định cư khi cần bởi tiểu dự án. Giúp hội nhập giữa những người định cư và các cộng đồng tiếp nhận.

4.2. Kết quả khảo sát hộ DTTS

4.2.1. Quy mô điều tra

Thông tin kinh tế xã hội của hộ BAH được chỉ ra từ kết quả khảo sát EOL và khảo sát SES mà khảo sát EOL được thực hiện từ ngày 02/7/2017 đến 25/8/2017 và khảo sát SES được thực hiện từ ngày 20/8/2017 đến 20/9/2017. Có tổng số 209 hộ DTTS (912 người) được lựa chọn điều tra kinh tế xã hội. Trong đó bao gồm: 100% số hộ DTTS bị ảnh hưởng bởi dự án và 10% số hộ DTTS khác nằm trong khu vực TDA.

Bảng 7: Quy mô mẫu điều tra

TT	Xã/thị trấn	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Nam	Nữ	BQ người/hộ
1	TT Cù Lao Dung	10	44	23	21	4,40
2	An Thạnh 1	18	66	27	39	3,67

TT	Xã/thị trấn	Số hộ (hộ)	Nhân khẩu (người)	Nam	Nữ	BQ người/hộ
3	An Thạnh 2	37	166	73	93	4,49
4	An Thạnh 3	37	170	79	91	4,59
5	An Thạnh Đông	20	95	47	48	4,75
6	An Thạnh Nam	58	244	112	132	4,21
7	An Thạnh Tây	10	39	16	23	3,90
8	Đại Ân 1	19	88	40	48	4,63
Tổng cộng:		209	912	417	495	4,36

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS (7/2017)

Kết quả điều tra cho thấy số người bình quân trong mỗi gia đình người Kh'mer cao hơn so với người Kinh (4,36 người/hộ với 3,8 người/hộ ở người Kinh)

Về độ tuổi: có 290 người dưới 15 tuổi, 127 người từ 16 đến 30 tuổi, 191 người từ 31 đến 45 tuổi, 225 người từ 46 đến 60 tuổi, 80 người trên 60 tuổi. Chi tiết xem bảng sau:

Bảng 8: Phân bố độ tuổi của các thành viên trong gia đình

Theo độ tuổi	Nam		Nữ		Tổng	
	Người	Tỷ lệ (%)	Người	Tỷ lệ (%)	Người	Tỷ lệ (%)
Dưới 15 tuổi	146	16,00	144	15,74	290	31,74
Từ 16-30 tuổi	58	6,36	69	7,60	127	13,96
Từ 31-45 tuổi	92	10,06	99	10,86	191	20,91
Từ 46-60 tuổi	76	8,33	149	16,28	225	24,62
Trên 60 tuổi	45	4,97	35	3,80	80	8,77
Tổng	417	45,72	495	54,28	912	100

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS (7/2017)

4.2.2. Nghề nghiệp

Trong cơ cấu nghề nghiệp chính của các thành viên gia đình DTTS có tham gia lao động và có thu nhập trong mẫu khảo sát của vùng Tiểu dự án, thì Nông nghiệp đem lại thu nhập chính cho các hộ gia đình 74,64% (156 hộ), làm thuê 13,4% (28 hộ), buôn bán 9,09% (19 hộ) và cán bộ công nhân viên, công nhân cùng chiếm tỷ lệ 1,44% (3 hộ). Tỷ lệ hộ có nghề nông nghiệp ở hộ dân tộc Kinh xấp xỉ với người DTTS (74,64% so với 69,39%).

Nhìn chung, sinh kế chủ yếu của người DTTS vẫn là Nông nghiệp, trong đó trồng lúa, trồng mía và một số hoa màu là phổ biến. Vì vậy vấn đề đảm bảo nguồn nước tưới không bị nhiễm mặn là điều người dân rất mong muốn, đặc biệt quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp ở khu vực TDA.

Bảng 9: Nghề nghiệp của hộ DTTS trong vùng TDA

TT	Xã/thị trấn	Nghề nghiệp					Tổng
		Nông nghiệp	Làm thuê	Cán bộ CNV	Buôn bán nhỏ	Công nhân	
1	TT Cù Lao Dung	5	-	1	2	2	10

TT	Xã/thị trấn	Nghề nghiệp					Tổng
		Nông nghiệp	Làm thuê	Cán bộ CNV	Buôn bán nhỏ	Công nhân	
2	An Thạnh 1	13	4	-	1	-	18
3	An Thạnh 2	22	6	2	6	1	37
4	An Thạnh 3	24	9	-	4	-	37
5	An Thạnh Đông	18	2	-	-	-	20
6	An Thạnh Nam	48	5	-	5	-	58
7	An Thạnh Tây	8	1	-	1	-	10
8	Đại Ân 1	18	1	-	-	-	19
Tổng cộng:		156	28	3	19	3	209
Tỷ lệ (%)		74,6	13,4	1,5	9,1	1,4	100

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS 7/2017

4.2.3. Giáo dục

Khoảng 93,3% người DTTS tham gia khảo sát có trình độ từ bậc tiểu học trở lên. Trong đó số người học vẫn ở cấp tiểu học cao hơn so với các nhóm trình độ học vấn khác: 59,33%. Số người có trình độ trung cấp trở lên 1,44%. Tỷ lệ mù chữ là 6,7% cao hơn rất nhiều so với người Kinh là 0,89 % (Con số này chủ yếu tập trung ở người già trên 60 tuổi). Trong mẫu khảo sát đối với hộ DTTS có đến 30,42% trường hợp bỏ học lý do bỏ học chủ yếu là điều kiện kinh tế khó khăn. .

Bảng 10: Trình độ học vấn của người DTTS trong vùng TDA

TT	Xã/thị trấn	Trình độ học vấn					Tổng
		Mù chữ	Tiểu học	THCS	THPT	THPT trở lên	
1	TT Cù Lao Dung	-	3	6	-	1	10
2	An Thạnh 1	3	10	5	-	-	18
3	An Thạnh 2	2	19	14	-	2	37
4	An Thạnh 3	4	21	12	-	-	37
5	An Thạnh Đông	1	14	5	-	-	20
6	An Thạnh Nam	3	36	17	2	-	58
7	An Thạnh Tây	1	6	3	-	-	10
8	Đại Ân 1	-	15	4	-	-	19
Tổng cộng:		14	124	66	2	3	209
Tỷ lệ (%)		6,7	59,3	31,6	1	1,4	100

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS 7/2017

Nhận xét: Từ bảng số liệu trên có thể nhận thấy trình độ học vấn của người DTTS là rất thấp. Nói như vậy để thấy rằng, để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo cho người DTTS đòi hỏi phải coi trọng phát triển giáo dục, nâng cao học vấn. Trình độ học vấn thấp đã hạn chế việc tiếp thu các kiến thức khoa học kỹ thuật, giảm hiệu quả việc thực hiện các chương trình sinh kế của dự án, hạn chế việc thực hiện các chính sách của Nhà nước để phát triển kinh tế.

4.2.4. Sức khỏe

Theo kết quả khảo sát tất cả các xã và thị trấn trong vùng TDA đều đã có trạm y tế từ 4 – 6 giường bệnh. Số lượng y tá, bác sĩ tại mỗi trạm y tế xã/thị trấn dao động từ 5 – 7 người.

4.2.5. Cấp nước

Về nguồn nước sử dụng trong ăn uống: có 206 hộ DTTS (98,56%) sử dụng nước giếng khoan (cây nước), 3 hộ (1,44%) sử dụng nước máy. Không có hộ DTTS nào dùng nguồn nước từ ao hồ, sông suối trong ăn uống. Theo đánh giá của người dân nguồn nước ở địa phương vẫn còn tốt, không có bệnh tật liên quan đến nước.

Bảng 11: Nguồn nước sử dụng của các hộ được khảo sát

TT	Xã/thị trấn	Nước máy	Nước giếng khoan	Tổng
1	TT Cù Lao Dung	2	8	10
2	An Thạnh 1	-	18	18
3	An Thạnh 2	1	36	37
4	An Thạnh 3	-	37	37
5	An Thạnh Đông	-	20	20
6	An Thạnh Nam	-	58	58
7	An Thạnh Tây	-	10	10
8	Đại Ân 1	-	19	19
Tổng cộng:		3	206	209
Tỷ lệ (%)		1,4	98,6	100

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS 7/2017

4.2.6. Vệ sinh

Tại khu vực TDA có 203 hộ DTTS (97,13%) đã có nhà vệ sinh hợp vệ sinh, trong đó: 40 hộ (19,14%) có nhà vệ sinh tự hoại, 163 hộ (77,99%) sử dụng nhà vệ sinh đơn giản, 6 hộ (2,87%) không có nhà vệ sinh.

Bảng 12: Loại nhà vệ sinh của các hộ được khảo sát

TT	Xã/thị trấn	Tự hoại	Thô sơ	Không nhà vệ sinh	Tổng
1	TT Cù Lao Dung	3	7	-	10
2	An Thạnh 1	5	13	-	18
3	An Thạnh 2	7	27	3	37
4	An Thạnh 3	8	29	-	37
5	An Thạnh Đông	3	17	-	20
6	An Thạnh Nam	8	48	2	58
7	An Thạnh Tây	3	7	-	10
8	Đại Ân 1	3	15	1	19
Tổng cộng:		40	163	6	209
Tỷ lệ (%)		19,1	78	2,9	100

4.2.7. Thu nhập và mức sống hộ gia đình

Hiện nay, thu nhập bình quân của người DTTS trong khu vực TDA là tương đối thấp, có 42 hộ (20,1%) có mức thu nhập bình quân đầu người < 0,7 triệu đồng/người/tháng, 87 hộ (41,63%) có mức thu nhập từ 0,7 đến 1,3 triệu đồng/người/tháng và 80 hộ (38,28%) có mức thu nhập bình quân > 1,3 triệu đồng/người/tháng.

Bảng 13: Thu nhập và mức sống của các hộ được khảo sát

TT	Xã/thị trấn	Thu nhập bình quân/người/tháng			Tổng
		<0.7 triệu	từ 0,7 triệu - 1,3 triệu	>1,3 triệu	
1	TT Cù Lao Dung	1	5	4	10
2	An Thạnh 1	4	5	9	18
3	An Thạnh 2	7	19	11	37
4	An Thạnh 3	11	13	13	37
5	An Thạnh Đông	4	8	8	20
6	An Thạnh Nam	10	24	24	58
7	An Thạnh Tây	3	3	4	10
8	Đại Ân 1	2	10	7	19
Tổng cộng:		42	87	80	209
Tỷ lệ (%)		20,1	41,6	38,3	100

Nguồn: Kết quả điều tra DTTS (7/2017)

5. TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DTTS

5.1. Mục tiêu của tham vấn cộng đồng

Mục đích:

- Thông báo cho các dân tộc thiểu số trong khu vực tiểu dự án các tác động tiềm tàng của dự án (tác động tiêu cực và tác động tích cực),
- Ý kiến phản hồi từ các hộ dân tộc thiểu số (trên cơ sở tác động được xác định), và
- Đề xuất các hoạt động phát triển để đảm bảo người dân tộc thiểu số trong khu vực tiểu dự án có thể nhận được các lợi ích kinh tế xã hội (từ dự án) phù hợp văn hóa với họ, và trên cơ sở đó xác nhận sự ủng hộ rộng rãi của DTTS đối với việc thực hiện TDA.

5.2. Phương pháp tham vấn cộng đồng

Trong quá trình tham vấn, các phương pháp như thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và các công cụ PRA, được sử dụng để thu thập các ý kiến của người DTTS. Tham vấn tự do, được thông báo dựa trên chính sách OP 4.10 của WB được duy trì trong suốt quá trình tham vấn.

Trước khi tiến hành tham vấn, việc kiểm tra sở thích sử dụng ngôn ngữ của người DTTS cũng đã được thực hiện và ngôn ngữ đó được sử dụng trong suốt quá trình tham vấn. Trong tiểu

dự án này, người dân tộc thiểu số là người Kh'mer,... tuy nhiên họ đã xác nhận trước khi phỏng vấn họ cảm thấy thoải mái với ngôn ngữ là tiếng Việt. Do đó, các cuộc tham vấn đã được tiến hành bằng cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt. Nhưng trong thực tế người dân tộc không nắm được một số từ chuyên ngành, nên trong quá trình thảo luận có kết hợp dịch ra tiếng dân tộc để thuận lợi cho quá trình thảo luận.

Quá trình tham vấn: các cuộc tham vấn đã được tiến hành vào tháng 8/2017. Các cuộc tham vấn đã sử dụng các phương pháp thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu các công cụ PRA (như đã đề cập ở trên) trong suốt quá trình tham vấn. Có cả nam giới và phụ nữ tham gia tham vấn. Đặc biệt phụ nữ DTTS đã được khuyến khích đưa ra ý kiến/thắc mắc của mình. Khi cần thiết, nhà văn hóa (cho họp cộng đồng) được sử dụng để thực hiện việc tham vấn (cho thảo luận nhóm/ họp cộng đồng).

5.3. Kết quả tham vấn

Bảng 14: Tham vấn cộng đồng DTTS

TT	Thời gian/ địa điểm	Thành phần tham dự	Tổng số người tham dự	Theo giới	
				Nam	Nữ
1	10/08/2017 tại UBND xã An Thạnh 1	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	29	12	17
2	11/08/2017 tại UBND xã An Thạnh Tây	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	25	14	11
3	12/08/2017 tại UBND thị trấn Cù Lao Dung	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	29	16	13
4	14/08/2017 tại UBND xã An Thạnh Đông	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	36	19	17
5	15/08/2017 tại UBND xã Đại Ân 1	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	42	18	24
6	16/08/2017 tại UBND xã An Thạnh 2	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	35	18	17
7	17/08/2017 tại UBND xã An Thạnh 3	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	56	24	32
8	18/08/2017 tại UBND xã An Thạnh Nam	- Đại diện UBND xã - Trưởng ấp, đại diện cộng đồng và đại diện các hộ DTTS	52	28	24

Kết quả thu được tại các cuộc tham vấn cho thấy

Cộng đồng người dân tộc thiểu số và những hộ gia đình DTTS được tham vấn điều xác nhận rằng họ đã được thông báo về dự án. Các hộ DTTS đều ủng hộ việc tiến hành triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

Các hộ gia đình DTTS hiểu được tác động tích cực của dự án. Họ cũng hiểu được tác động tiêu cực của dự án và họ đã đồng ý với đề xuất các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực cũng như những biện pháp hỗ trợ bổ sung sẽ được thực hiện thông qua EMDP này để đảm bảo các dân tộc thiểu số hiện nay trong khu vực dự án có thể nhận được lợi ích kinh tế xã hội phù hợp với văn hóa của họ. Trên cơ sở các tác động của dự án và các biện pháp giảm thiểu đề xuất, các cộng đồng DTTS thể hiện sự hỗ trợ rộng rãi cho thực hiện dự án. Ngoài ra, họ có những ý kiến cụ thể / đề nghị tập trung vào hai lĩnh vực: (i) các kiến nghị liên quan đến công tác thi công dự án; và (ii) các kiến nghị liên quan đến các hoạt động nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các ý kiến cụ thể như sau:

Về công tác thi công dự án:

- Quá trình thực hiện các công trình thuộc tiểu dự án cần tiến hành nhanh chóng để giảm thiểu tác động;

- Tăng cường hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ cộng đồng

- Nhà thầu thi công phải lựa chọn tuyến đường vận chuyển phù hợp để giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng đến đi lại của người dân địa phương.

- Vấn đề bụi bẩn và nguy cơ ô nhiễm môi trường do các hoạt động thi công có thể gây ra như: bụi vào mùa khô, và lầy lội trong mùa mưa. Người DTTS mong muốn nhà thầu thi công phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, dưới sự giám sát chặt chẽ của PPMU, đồng thời tổ chức các chiến dịch truyền thông về gìn giữ vệ sinh môi trường tại các xã.

- Các cơ sở hạ tầng xung quanh khu vực thi công nếu bị hỏng hóc do các hoạt động thi công gây ra, nhà thầu thi công phải có trách nhiệm phục hồi và đền bù cho các thiệt hại hỏng hóc do quá trình thi công gây ra.

Một nguy cơ mà người DTTS ở đây chưa nhận biết được là việc lan truyền HIV/AIDS và nạn nghiện hút trong cộng đồng qua đội ngũ công nhân xây dựng. Thông qua tham vấn, những người DTTS đã đề xuất rằng Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động như quy định trong hợp đồng dưới sự giám sát của Tư vấn giám sát, đồng thời với các hoạt động tuyên truyền phòng tránh HIV/AIDS và nạn nghiện hút trong cộng đồng người DTTS tại các khu vực gần các công trường thi công.

Các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực:

- Hầu hết người DTTS được tham vấn mong muốn được tham gia chương trình của chính phủ về hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo như hỗ trợ các loại hạt giống, phân bón cho sản xuất nông nghiệp.

- Trên cơ sở điều tra thiệt hại của TDA, có 43 hộ DTTS sẽ bị ảnh hưởng của việc thu hồi đất. Mặc dù quá trình thi công có thể sẽ ảnh hưởng đến việc cấp nước nhưng đời sống và sản xuất

của người DTTS vẫn sẽ được đảm bảo. Các biện pháp thi công sẽ được áp dụng nhằm làm hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến người DTTS trong khu vực TDA. Một EMDP được chuẩn bị cho TDA này – trên cơ sở đánh giá xã hội và tham vấn cộng đồng DTTS để cung cấp cơ hội phát triển cho người DTTS hiện diện trong khu vực TDA, một RAP được chuẩn bị để đảm bảo việc thu hồi đất của các hộ gia đình sẽ được bồi thường thích hợp và kịp thời.

Tham vấn tự do và thông báo trước với DTTS cho thấy có một số tác động bất lợi cho người DTTS và EMDP đã được chuẩn bị để làm giảm nhẹ tác động đó, đồng thời cung cấp các cơ hội phát triển DTTS, nên có sự ủng hộ cao của cộng đồng DTTS để thực hiện TDA.

5.4. Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện EMDP

Để đảm bảo tham vấn tự do và được thông báo trước với người DTTS trong quá trình thực hiện EMDP được tiếp tục, trong quá trình thực hiện EMDP tham vấn cộng đồng DTTS sẽ được thực hiện như tóm tắt dưới đây:

Cách tiếp cận tham vấn trong quá trình thực hiện EMDP cũng giống như cách tiếp cận tham vấn đã được sử dụng trong quá trình chuẩn bị EMDP. Tư vấn sẽ dựa trên cách thức tham vấn tự do, được thông báo trước và có sự tham gia để xem xét các cộng đồng DTTS có bất kỳ phản hồi nào khác không, và để kiểm tra xem có bất kỳ tác động của tiểu dự án bổ sung phát sinh mà không lường trước được trong quá trình chuẩn bị EMDP không. Trường hợp cần thiết, EMDP được thực hiện, sẽ được tiếp tục xây dựng, hoặc cập nhật về phương pháp để đảm bảo các hoạt động được thực hiện một cách thích hợp cho các DTTS.

Các cộng đồng DTTS được hưởng lợi từ EMDP này nên tham gia vào cả quá trình thực hiện và quá trình giám sát & đánh giá để tối đa hóa các mục đích của EMDP. PPMU sẽ dẫn đầu trong việc thực hiện EMDP này và đảm bảo người dân tộc thiểu số tham gia vào quá trình thực hiện, giám sát và đánh giá của EMDP

Trong trường hợp có tác động bất lợi được xác định trước khi thực hiện tiểu dự án, đặc biệt là khi thiết kế kỹ thuật chi tiết có sẵn trong quá trình thực hiện Dự án, các phương pháp tham vấn, như đã đề cập ở trên, nên được sử dụng để thu thập thông tin phản hồi từ các DTTS bị ảnh hưởng. Việc thay thế thiết kế kỹ thuật nên được triển khai để tránh tác động bất lợi. Trong trường hợp các tác động không thể tránh được, chúng nên được giảm thiểu hoặc bồi thường cho người bị thiệt hại.

Trong trường hợp tác động bất lợi đã được xác định (khi các phương pháp thiết kế / xây dựng kỹ thuật rõ ràng), DTTS bị ảnh hưởng sẽ được tư vấn và thông báo về quyền lợi của họ. EMDP sẽ được cập nhật cho phù hợp và sẽ được công bố trước khi thực hiện EMDP/RAP.

5.5. Công bố EMDP

Trong quá trình chuẩn bị, bản cuối cùng của EMDP/RAP sẽ được công bố rộng rãi trong cộng đồng tại những nơi công cộng, bao gồm trụ sở UBND xã/ huyện, các nhà cộng đồng và phải được trình bày theo một ngôn ngữ và bố cục mà người DTTS và tất cả những bên liên quan có thể đọc và hiểu được. Các văn bản này cũng sẽ được công bố tại Ban quản lý trung ương các dự

án thủy lợi, Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Sóc Trăng, UBND huyện Cù Lao Dung và các xã có liên quan, và văn phòng thông tin của WB tại Washington D.C, trước khi trình duyệt dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, PPMU và chính quyền địa phương các cấp phải đảm bảo chắc chắn rằng tất cả các hộ dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong khu vực dự án đi qua sẽ nhận được đầy đủ thông tin và được mời tham dự các buổi tham vấn trong quá trình thực hiện EMDP.

EMDP được lập trong quá trình chuẩn bị dự án phải được công khai tại địa phương trước khi thẩm định dự án. PPMU sẽ gửi một bản EMDP tiếng Anh cho WB để công khai trên Infoshop tại Washington D.C. EMDP tiếng Việt cũng sẽ được công khai tại CPO và UBND tỉnh Sóc Trăng và UBND huyện Cù Lao Dung và UBND các xã liên quan để cộng đồng DTTS và các bên liên quan khác nắm được.

6. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN TRONG EMDP

Như đã đề cập ở trên, EMDP nhằm mục đích cung cấp thêm các lợi ích kinh tế xã hội cho các hộ gia đình DTTS theo OP 4.10. Những hoạt động sẽ được lồng ghép vào các chương trình phát triển kinh tế xã hội hiện có của địa phương với tiêu chí ưu tiên cho những người DTTS bị ảnh hưởng của TDA. Bên cạnh đó, các nhà thầu thi công sẽ phải đảm bảo trách nhiệm về các vấn đề như môi trường, an toàn lao động trong quá trình thi công tại địa phương. Các hoạt động sau đây đã được đề xuất bởi người DTTS số trên cơ sở tham khảo ý kiến với họ.

Bảng 15: Các hoạt động phát triển DTTS

TT	Rủi ro được xác định	Các biện pháp áp dụng
1	Nguy cơ khó phục hồi sinh kế cho các hộ DBTT, bao gồm cả các hộ DTTS	<p>Hoạt động 1: Người DTTS BAH được ưu tiên tham gia vào chương trình phục hồi sinh kế của dự án: Cung cấp các khóa tập huấn cung cấp/chuyên gia kiến thức áp dụng kỹ thuật mới trong canh tác, đa canh chăn nuôi bò, heo, nuôi trồng thủy sản hoặc tập huấn về phòng trừ sâu bệnh. Cụ thể nội dung của khóa tập huấn sẽ được quyết định sau khi có kết quả tham vấn cụ thể với các hộ DTTS khi thực hiện các chi trả bồi thường ở các hạng mục công trình thuộc tiêu dự án; Lồng ghép hộ DTTS tham gia vào các khóa tập huấn kỹ thuật của dự án.</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi chi trả tiền bồi thường cho các hộ BAH</p> <p>Người thực hiện: Hội đồng bồi thường hỗ trợ và TĐC huyện phối hợp với phòng NN&PTNT huyện</p> <p>Đối tượng tham gia: Các hộ DTTS BAH và hưởng lợi từ TDA</p> <p>Kết quả đầu ra: Các hộ DTTS được tham gia các lớp tập huấn</p> <p>Nguồn kinh phí: Kinh phí chương trình phục hồi thu nhập và kinh phí hoạt động phi công trình.</p>
2	Bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn, rung chấn Chất thải rắn	<p>Hoạt động 2. Tăng cường kỹ năng và ý thức cộng đồng trong gìn giữ vệ sinh môi trường</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng thi công,</p> <p>Người thực hiện: Trưởng thôn/ấp và cán bộ môi trường PPMU</p>

TT	Rủi ro được xác định	Các biện pháp áp dụng
	<p>Nước thải phát sinh</p> <p>Suy giảm chất lượng nước</p> <p>Tài nguyên sinh vật</p>	<p>Đối tượng tham gia: Các hộ DTTS BAH và hưởng lợi của TDA</p> <p>Kết quả đầu ra: Nâng cao nhận thức của người dân địa phương về giữ gìn và bảo vệ môi trường.</p> <p>Nguồn kinh phí: Kinh phí EMDP</p> <p>Hoạt động 3. Tăng cường công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên thi công của nhà thầu cũng như công tác tuyên truyền cho người dân địa phương.</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng thi công,</p> <p>Người thực hiện: Nhà thầu thi công</p> <p>Đối tượng tham gia: Nhà thầu thi công, tư vấn giám sát</p> <p>Kết quả đầu ra: Nguy cơ ô nhiễm môi trường do các hoạt động thi công được kiểm soát tốt</p> <p>Nguồn kinh phí: Nhà thầu thi công</p>
3	<p>Xáo trộn và tăng rủi ro về tai nạn giao thông</p> <p>Rủi ro xói mòn, trượt lở đất</p> <p>Tăng rủi ro bồi lắng, ngập cục bộ</p> <p>Cảnh quan, mỹ quan đô thị</p> <p>Xáo trộn các hoạt động nghỉ ngơi, học tập, văn hoá, tín ngưỡng</p>	<p>Hoạt động 4: Nhà thầu thi công phải có phương án lựa chọn phương án thi công, tuyến đường vận chuyển phù hợp, bố trí tuyến thoát nước phù hợp để giảm thiểu như quy định trong hợp đồng dưới sự giám sát của tư vấn giám sát</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu hợp đồng thi công</p> <p>Người thực hiện: Nhà thầu thi công</p> <p>Đối tượng tham gia: Nhà thầu thi công, tư vấn giám sát</p> <p>Kết quả đầu ra: Nguy cơ tai nạn giao thông và các xáo trộn giao thông; các rủi ro về sạt lở đất; ngập cục bộ được kiểm soát. Mỹ quan đô thị và các hoạt động nghỉ ngơi được hạn chế ảnh hưởng tối đa.</p> <p>Nguồn kinh phí: Nhà thầu thi công</p> <p>Hoạt động 5. Tập huấn nâng cao kiến thức về an toàn giao thông</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng thi công,</p> <p>Người thực hiện: Nhà thầu thi công và PPMU</p> <p>Đối tượng tham gia: Các hộ DTTS BAH và hưởng lợi của TDA</p> <p>Kết quả đầu ra: Người DTTS gần khu vực thi công và khu vực TDA hiểu rõ và các nguy cơ mất an toàn và các giải pháp phòng tránh.</p> <p>Nguồn kinh phí: Kinh phí chương trình EMDP.</p> <p>Hoạt động 7: Tập huấn về các đặc trưng văn hóa cho các nhà thầu như: xây dựng các nội quy, cách ứng xử của công nhân với người DTTS.</p>
4	<p>Nguy cơ lan truyền HIV/AIDS và nạn nghiện hút trong cộng đồng qua đội ngũ công nhân xây dựng</p>	<p>Hoạt động 6. Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động và có các hoạt động tuyên truyền về phòng tránh các tệ nạn xã hội như quy định trong hợp đồng dưới sự giám sát của Tư vấn Giám sát.</p> <p>Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng thi công,</p> <p>Người thực hiện: Nhà thầu thi công</p> <p>Đối tượng tham gia: Nhà thầu thi công, tư vấn giám sát, công nhân</p> <p>Kết quả đầu ra: đảm bảo không lan truyền HIV/AIDS và nạn nghiện hút</p>

TT	Rủi ro được xác định	Các biện pháp áp dụng
		Nguồn kinh phí: Nhà thầu thi công Hoạt động 7: Truyền thông về các tệ nạn xã hội và các biện pháp phòng tránh đối với cộng đồng dân cư địa phương Thời gian thực hiện: Từ khi bắt đầu dự án Đối tượng tham gia: Người DTTS trong khu vực dự án Kết quả đầu ra: Các hộ DTTS trong khu vực dự án hiểu rõ về các vấn đề tệ nạn xã hội, và các giải pháp an toàn. Nguồn kinh phí: Kinh phí EMDP
5	Khả năng tham gia các hoạt động sinh kế của người DTTS của dự án	Hoạt động 11: Tăng cường nâng cao nhận thức cho người DTTS thông qua các khóa tập huấn; Tập huấn chuyên sâu cho người DTTS về khoa học kỹ thuật triển khai các mô hình của dự án. Tăng cường công tác tuyên truyền bằng ngôn ngữ Khmer.

Trong các hoạt động được đề xuất thì các hoạt động 3, 6, 9 cần có kinh phí để thực hiện trong khuôn khổ EMDP này; dự toán kinh phí được trình bày trong phần 10. Ngân sách và tài chính. EMDP này sẽ được cập nhật trước khi thực hiện để xác định lại nhu cầu phát triển của người DTTS đồng thời phản ánh các nhu cầu khác mà họ có thể cần khi tác động của dự án được xác định dựa trên thiết kế kỹ thuật cuối cùng.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND tỉnh Sóc Trăng, đại diện cho Chính phủ, là cấp có thẩm quyền phê duyệt TDA.

Chủ đầu tư là Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng và ủy thác toàn bộ chức năng, nhiệm vụ Chủ đầu tư cho Ban QL dự án 2. Ban QL dự án 2 chịu trách nhiệm thực hiện tổng thể Kế hoạch phát triển DTTS được thành lập cho tiểu dự án và đảm bảo rằng các bên liên quan của tiểu dự án hiểu được mục đích của Khung chính sách DTTS và cách thức lập và phê duyệt cho tiểu dự án trước khi thực hiện. Ban QL dự án 2 cũng sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển DTTS, bao gồm giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện EMDP.

Ban QL dự án 2 chịu trách nhiệm phân công cán bộ phù hợp và bố trí đủ ngân sách để thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS. Trong trường hợp người DTTS bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thi công tiểu dự án thì việc bồi thường, hỗ trợ cho người DTTS bị ảnh hưởng sẽ được thực hiện thông qua Kế hoạch hành động tái định cư được lập cho tiểu dự án theo Khung chính sách tái định cư của Dự án.

Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án, cán bộ Ban QL dự án 2 sẽ được đào tạo chuyên sâu để giúp họ đảm nhiệm công tác sàng lọc người DTTS tại khu vực tiểu dự án. Trong trường hợp địa phương không đủ năng lực lập Kế hoạch phát triển DTTS thì có thể huy động các chuyên gia tư vấn có chuyên môn để hỗ trợ Ban QL dự án 2 xây dựng Kế hoạch phát triển DTTS cho tiểu dự án. Kế hoạch phát triển DTTS cần được xây dựng theo Khung chính sách DTTS.

Cán bộ phụ trách công tác thực hiện EMDP của Ban QL dự án 2 sẽ kết hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc của tỉnh Sóc Trăng để kiểm tra và nhận xét các việc triển khai EMDP này.

Tại cấp huyện, cán bộ phòng Dân tộc thuộc UBND huyện sẽ phối hợp với Ban QL dự án 2 và Ban dân tộc tỉnh để thực hiện EMDP. Họ sẽ cung cấp phản hồi từ người DTTS và cộng đồng DTTS tới UBND cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan.

Tại cấp xã, đại diện lãnh đạo xã và đại diện nhóm dân tộc thiểu số là những người chủ chốt trong việc thực hiện EMDP. Họ sẽ là người trực tiếp giúp đỡ người dân địa phương vượt qua những khó khăn trong quá trình thực hiện tiểu dự án. Tổ chức các buổi họp dân để phổ biến thông tin về tiểu dự án; cung cấp thông tin về các hoạt động giảm thiểu và các hoạt động phát triển EMDP và hỗ trợ Ban QL dự án 2 và chính quyền địa phương trong việc lập danh sách người tham gia các hoạt động phát triển của EMDP này.

Trách nhiệm thực hiện Kế hoạch phát triển DTTS như sau:

Ban QL dự án 2 tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm tổng thể trong công tác phối hợp và thực hiện Kế hoạch Phát triển DTTS. Ban QL dự án 2 sẽ thuê các chuyên gia tư vấn để phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như các Sở ngành cấp tỉnh, UBND huyện tham gia tiểu dự án và các cộng đồng bị ảnh hưởng để thực hiện Kế hoạch Phát triển DTTS.

Kế hoạch Phát triển DTTS của tiểu dự án đã được chuẩn bị bởi Tư vấn xã hội do Ban QL dự án 2 thuê lập trên cơ sở các nguyên tắc của Khung chính sách DTTS. UBND tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm phê duyệt và thực hiện Kế hoạch Phát triển DTTS.

Ban QL dự án 2, thông qua Phòng Môi trường và Tái định cư, chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện hiệu quả Khung chính sách DTTS và Kế hoạch Phát triển DTTS với sự tham vấn chặt chẽ với các ban ngành cùng cấp và huyện tiểu dự án.

Bảng 16: Kế hoạch thực hiện

Các hoạt động	Tiến độ
Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng	Tháng 8/2017
Chuẩn bị Kế hoạch Phát triển DTTS	Tháng 8/2017
Đệ trình EMDP	Tháng 10/2018
Phê duyệt EMDP	Tháng 4/2019
Phổ biến thông tin của EMDP sau khi được phê duyệt	Tháng 5/2019
Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực	Tháng 5/2019
Thực hiện các biện pháp hoặc các khóa đào tạo đối với người DTTS	Tháng 6/2019
Giám sát và đánh giá	Tháng 6/2019
Thi công	Tháng 9/2019

8. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế khiếu nại của Tiểu Dự án được tách làm hai: một ở nội bộ các cộng đồng có liên quan và một phần khác, liên quan đến bên thứ ba/hòa giải. Đối với mỗi địa phương, Ủy ban giải quyết khiếu nại sẽ được thành lập từ cấp độ làng/xã tới huyện, xây dựng dựa trên các ban bộ có liên quan hiện có, các tổ chức, đại diện phụ nữ và người dân tộc. Ở cấp độ làng, hội đồng dựa trên cơ sở cùng quản lý kết hợp với cơ chế khiếu nại hiện có, và sẽ được chủ trì bởi những người lãnh đạo bộ tộc/người đứng đầu giáo xứ và người già, được sự chấp nhận đa số của cộng đồng địa phương nói chung và của nhóm DTTS nói riêng.

Hồ sơ khiếu nại sẽ được cung cấp cho những người hoặc những nhóm người trực tiếp hay gián tiếp bị tác động bởi dự án, cũng như có thể quan tâm đến tiểu dự án và/hoặc có khả năng bị ảnh hưởng đến thu nhập, cả mặt tích cực và tiêu cực. Tiểu Dự án sẽ cung cấp khóa đào tạo và hỗ trợ tăng cường cấu trúc hiện có nhằm giải quyết hiệu quả và hài hòa các khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Mọi sự phàn nàn và khiếu nại cần được PPMU ghi vào văn bản một cách chính xác, các bản in ấn phải được lưu giữ hồ sơ ở cấp độ cộng đồng và ở cấp huyện.

Nếu người DTTS bị tác động không thỏa mãn với quy trình, biện pháp bồi thường và giảm nhẹ, hay bất kỳ một vấn đề nào khác, thì đại diện cho EMP hoặc chính người DTTS, hoặc trưởng làng có thể đệ trình khiếu nại lên PPC hoặc lên PPMU theo mẫu Hồ sơ Khiếu nại trong bản Dự án EMDP. Các vấn đề khiếu nại cần được giải quyết một thỏa đáng phù hợp với mong muốn của người DTTS bị tác động. Những chi phí có liên quan tới khiếu nại của người DTTS được miễn đối với người DTTS có hồ sơ khiếu nại. PPMU và tư vấn giám sát độc lập có trách nhiệm giám sát tiến độ giải quyết khiếu nại của người DTTS. Mọi trường hợp khiếu nại cần được ghi chép lại trong hồ sơ dự án của PPMU, và được xem xét thường xuyên bởi tư vấn giám sát độc lập.

Cơ chế khiếu nại được thiết lập dựa trên pháp luật Việt Nam. Thủ tục giải quyết khiếu nại sẽ được thực hiện như sau:

Cấp thứ nhất - Ủy ban Nhân dân xã/thị trấn: Người bị ảnh hưởng có thể mang đơn khiếu nại của mình đến bộ phận Một Cửa của Ủy ban nhân dân xã/phường, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Thành viên của UBND xã/phường ở bộ phận Một Cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã/phường/thị trấn về đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND Xã/phường/thị trấn, người có trách nhiệm giải quyết sẽ gặp riêng hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại để tìm hiểu vấn đề. UBND xã/phường/thị trấn có 30 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại, để giải quyết vấn đề. Văn phòng UBND Xã/phường/thị trấn chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà UBND Xã/phường/thị trấn xử lý.

Cấp thứ 2 - Ủy ban Nhân dân huyện: Nếu sau 30 ngày, hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại không nhận được tin tức gì từ UBND xã/thị trấn, hoặc nếu các hộ gia đình bị ảnh hưởng là không hài lòng với quyết định giải quyết đối với khiếu nại của mình, hộ gia đình bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc, hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới UBND huyện tại bộ phận Tiếp dân. UBND huyện sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại. UBND huyện chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại UBND huyện xử lý và sẽ thông báo cho Hội đồng Bồi thường cấp huyện và người bị ảnh hưởng về bất kỳ quyết định nào được thực hiện. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án nếu muốn.

Cấp thứ 3 - Ủy ban Nhân dân tỉnh: Nếu sau 30 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND Huyện, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, hộ dân bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc của mình, hoặc bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp, tới bất cứ cán bộ nào UBND tỉnh tại Trụ sở Tiếp dân. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại làm hài lòng các bên có liên quan. UBND tỉnh có trách nhiệm lưu hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà mình giải quyết. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án nếu muốn.

Cấp cuối cùng, Tòa án: Nếu sau 45 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, vụ việc có thể được trình lên Tòa án để xem xét và đưa ra phán quyết. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ phải được gửi cho người khiếu nại và các bên có liên quan và phải được niêm yết công khai tại trụ sở của UBND của cấp giải quyết khiếu nại sau 03 ngày có quyết định/kết quả giải quyết khiếu nại tại cấp phường/xã/thị trấn và sau 07 ngày tại cấp huyện hoặc tỉnh.

Để đảm bảo cơ chế khiếu nại mô tả trên được đưa vào thực tế và được những người DTTS bị tác động (do tiểu dự án) chấp thuận, cơ chế đó cần được tư vấn cho các nhà chức trách địa phương và cộng đồng địa phương khi xem xét, tính toán đến yếu tố đặc thù văn hóa cũng như truyền thống, hệ thống văn hóa có ảnh hưởng đến việc phát sinh và giải quyết phàn nàn/khiếu nại. Nếu mục tiêu và nỗ lực của người DTTS được thực hiện nhằm xác định và quyết định cách thức giải quyết vấn đề để họ chấp nhận được

Tờ rơi sẽ được phát cho người DTTS, trong đó người bị tác động bất lợi có thể xảy ra cũng như người hưởng lợi, kèm theo thông tin về dự án (như đề cập ở trên) nhằm chỉ ra người liên lạc tại xã và Ban QLDA nhằm hỗ trợ cho việc khiếu nại từ người DTTS được thuận lợi, nếu có xảy ra.

9. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

CPMU chịu trách nhiệm giám sát và thực hiện EMPF và EMDP. Việc thực hiện EMPF và EMDP sẽ được giám sát độc lập bên ngoài do tư vấn có chuyên môn đề xuất. Tư vấn giám sát độc lập sẽ do CPMU thuê tuyển. Dịch vụ này được tích hợp trong hợp đồng giám sát độc lập thực hiện RPF và RAP cho cả tiểu dự án.

9.1. Giám sát nội bộ

Đơn vị chịu trách nhiệm. CPMU thuộc CPO sẽ chịu trách nhiệm thực hiện EMPF và EMDP. CPMU chịu trách nhiệm hướng dẫn cho PPMU và PPMU chịu trách nhiệm thực hiện EMDP của tiểu dự án.

Bảng 17: Chỉ số giám sát nội bộ

Nội dung giám sát	Chỉ tiêu giám sát
Chi phí và thời gian	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ nhân viên để hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo kế hoạch? - Hoạt động hỗ trợ đáp ứng các kế hoạch đã lập? - Chi phí cho việc thực hiện EMDP được phân bổ cho các cơ quan thực hiện kịp thời và đầy đủ?
Tham vấn, khiếu nại và các vấn đề đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> - Có tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin cho người dân tộc thiểu theo kế hoạch? - Có tập trung thảo luận nhóm thực hiện với nhóm DTTS? - Có bao nhiêu người DTTS biết về lợi ích của họ? - Người DTTS biết và sử dụng cơ chế giải quyết khiếu như thiết lập trong EMPF? Kết quả? - Số lượng và loại khiếu nại nhận được (được phân loại theo giới tính và nhóm dễ bị tổn thương) - Số lượng và loại khiếu nại giải quyết (được phân loại theo giới tính và nhóm dễ bị tổn thương) - Mức độ nhận thức và sự hài lòng về những lợi ích của người dân tộc thiểu số. - Mức độ hài lòng về cơ chế khiếu nại.

9.2. Giám sát độc lập

Đơn vị chịu trách nhiệm. Tư vấn giám sát độc lập (IMC) được ký hợp đồng làm giám sát việc thực hiện việc bảo vệ quyền lợi xã hội của các tiểu dự án, bao gồm cả EMDP. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Giám sát độc lập cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía CPMU và PPMU.

Bảng 18: Chỉ số giám sát độc lập

Nội dung giám sát	Chỉ tiêu giám sát
Thông tin cơ bản về hộ DTTS	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí - Số hộ EM - Số lượng trung bình của các thành viên hộ gia đình, tuổi tác, trình độ học vấn. - Giới tính của chủ hộ. - Mức độ tiếp cận vào các dịch vụ y tế và giáo dục, các tiện ích và dịch vụ xã hội khác. - Hiện trạng đất đai và sử dụng đất hợp pháp. - Nghề nghiệp và việc làm. - Nguồn và mức thu nhập.
Mức độ thỏa mãn của DTTS	<ul style="list-style-type: none"> - Người DTTS có đồng ý với việc thực hiện EMDP? - Người dân tộc thiểu số đánh giá về mức độ phục hồi của đời sống và sinh kế của họ? - Mức độ nhận thức của người dân tộc thiểu về quá trình khiếu nại và thủ tục bồi thường khiếu nại? - Có khiếu nại của người dân tộc thiểu số được nhận và giải quyết kịp

Nội dung giám sát	Chỉ tiêu giám sát
	thời và thỏa đáng theo quy định của EMPF?
Hiệu quả của hỗ trợ	- Quyền lợi cho người dân tộc thiểu số có thỏa đáng? - Có hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương?
Tác động khác	- Có tác động nào về việc làm hoặc thu nhập của người dân tộc thiểu số? - Làm thế nào những tác động không mong muốn được giải quyết (nếu có)?

10. NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH

Tất cả các chi phí cần thiết để tiến hành các hoạt động trong EMDP này nằm trong chi phí thực hiện dự án. Nguồn kinh phí thực hiện EMDP sẽ được hỗ trợ bởi WB trong khuôn khổ dự án MD-ICRSL. Kinh phí thực hiện EMDP dưới đây mới tính ước tính sơ bộ và sẽ được cập nhật theo bản thiết kế chi tiết các hoạt động của EMDP. PPMU sẽ phối hợp thực hiện EMDP kịp thời để đảm bảo EMDP có thể hỗ trợ các dân tộc thiểu số có mặt trong khu vực TDA có thể nhận được lợi ích phù hợp với văn hóa xã hội của họ.

Bảng 19: Dự toán của EMDP

Hoạt động	Số lớp	Đơn giá	Thành tiền
Tập huấn kỹ năng và ý thức cộng đồng trong gìn giữ vệ sinh môi trường	8	8.200.000	65.600.000
Tập huấn nâng cao kỹ năng về an toàn giao thông	8	8.200.000	65.600.000
Tập huấn nâng cao kỹ năng về phòng tránh các tệ nạn xã hội	8	8.200.000	65.600.000
Tập huấn nâng cao nhận thức cho người DTTS thông qua các khóa tập huấn; Tập huấn chuyên sâu cho người DTTS về khoa học kỹ thuật triển khai các mô hình của dự án.	8	8.200.000	65.600.000
Tổng			262.400.000
Dự phòng (10%)			26.240.000
Quản lý phí (10%)			26.240.000
Tổng			314.880.000

Bảng 20: Dự toán chi tiết một khóa học

Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Số ngày	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
In, phô tô tài liệu	bộ	100	1	15.000	1.500.000
Thù lao giảng viên, trợ giảng	người	2	1	500.000	1.000.000
Chi phí đi lại, giảng viên trợ giảng	người	2	1	350.000	700.000
Tiền thuê hội trường	ngày	1	1	500.000	500.000
Phụ cấp ăn trưa	người	100	1	25.000	2.500.000
Nước uống giữ giờ	người	100	1	20.000	2.000.000
Tổng					8.200.000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 17 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Xã An Thạnh 3 Huyện: Cù Lao Dung Tỉnh: Sóc Trăng

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Ông/Bà Lê Văn Nhung Chức vụ Chủ tịch xã
- Ông/Bà Hà Văn Hò Chức vụ Đại diện cấp
- Ông/Bà Lê Văn Tô Chức vụ Cán bộ Ban OTT & T. NN
- Ông/Bà Chức vụ
- Ông/Bà Chức vụ

- Đại diện những hộ dân tộc thiểu số 13 người

II. NỘI DUNG THAM VẤN

- Phổ biến thông tin về dự án và tiểu dự án
• Thông báo cho các dân tộc thiểu số trong khu vực tiểu dự án các tác động tiềm tàng của dự án (tác động tiêu cực và tác động tích cực).
• Ý kiến phản hồi từ các hộ DTTS
• Đề xuất các hoạt động phát triển để đảm bảo lợi ích của người dân tộc thiểu số

III. KẾT QUẢ THAM VẤN

Sông rạch DTTS sống nhưng họ gia đình còn nghèo sẽ được tham vấn để xác định rừng họ được thông tin về dự án và được... những tác động tích cực và hiệu quả của dự án...
Đề xuất nguyện vọng của cộng đồng DTTS...
+ Họ họ bị thiếu nước sạch nhà vệ sinh cho người dân...
+ Tăng cường lập hồ sơ báo cáo và tay nghề...
+ Thêm các lớp học dạy tuyên truyền bằng ngôn ngữ cộng đồng...
+ Các hộ được tham vấn mong được tham gia vào...
+ Các chương trình của chính phủ về hỗ trợ các người dân...
+ Các nghề như làm ruộng cấy, phân bón, sản xuất nông nghiệp...
+ Yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng các an toàn lao động

Quá trình thực hiện dự án cần nên hành nhanh chóng để giảm thiểu tác động xấu như giao thông bị cản trở...
nhóm...mời!...không...số...số...hạ...tăng...xung...quanh...xung...cấp...
hàng...số...số...cá...bên...pháp...thu...công...sông...sông...khi...về...mọi...bên...
...đầu...số...hạ...bị...cảnh...hàng...mức...nhỏ...hình...mọi...tổ...thương...e...
...hạ...muốn...được...hỗ...trợ...trong...việc...số...tổ...chính...đề...đầu...hư...hình...
...qua...

Cuộc họp kết thúc vào lúc 14 giờ cùng ngày. Đại diện chính quyền xã, ấp, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện người dân tham dự cuộc họp cùng đọc và thống nhất với nội dung biên bản cuộc họp và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ (Ký tên, đóng dấu) CHỦ TỊCH Lê Văn Phình
ĐẠI DIỆN ÁP Vraillane Hà Văn Hò
ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH (Ký tên)

ĐẠI DIỆN ... ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN Tet Lê Văn Tô

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 14 tháng 5 năm 2017

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi SX phù hợp với điều kiện sinh thái, để thích ứng với BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Xã ... An Thạnh Hưng... Huyện: Cù Lao Dung Tỉnh: Sóc Trăng

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Ông/Bà Võ Quốc Hân Chức vụ... CT UBND Xã An Thạnh Hưng
Ông/Bà Lê Vĩnh Tô Chức vụ... Chủ tịch Hội Cựu chiến binh TRAVN
Đại diện những hộ dân tộc thiểu số 27 người

II. NỘI DUNG THAM VẤN

- Phổ biến thông tin về dự án và tiêu dự án
Thông báo cho các dân tộc thiểu số trong khu vực tiêu dự án các tác động tiềm tàng của dự án
Ý kiến phản hồi từ các hộ DTTS
Đề xuất các hoạt động phát triển để đảm bảo lợi ích của người dân tộc thiểu số

III. KẾT QUẢ THAM VẤN

Các hộ DTTS đều ủng hộ việc thực hiện dự án và nắm bắt được các lợi ích của dự án... Các hộ DTTS mong muốn nhà thầu thi công phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động... Các hộ DTTS cũng mong muốn được tham gia các hoạt động phát triển để đảm bảo lợi ích của người dân tộc thiểu số.

Miễn các loại thuế... và... các loại...
Hội... và...
Các hộ... có mong muốn được... thường xuyên...
nên... không...

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17 giờ cùng ngày. Đại diện chính quyền xã, ấp, đại diện các tổ chức đoàn thể và đại diện người dân tham dự cuộc họp cùng đọc và thống nhất với nội dung biên bản cuộc họp và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ (Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ÁP

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH (Ký tên)



ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Handwritten signature in black ink.